

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG



ĐỀ ÁN
MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH: KẾ TOÁN
MÃ SỐ: 8340301

Hải Phòng, năm 2023

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ TRƯỜNG.....	1
1.1. Giới thiệu chung về Trường.....	1
1.2. Khái quát về quá trình đào tạo.....	6
1.2.1. Công tác tuyển sinh và đào tạo đại học chính quy.....	6
1.2.2. Công tác tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ.....	7
2. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO.....	11
3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	13
3.1. Quá trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo.....	13
3.2. Khái quát về chương trình đào tạo.....	14
4. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC.....	16
4.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học.....	16
4.1.1. Giảng viên của ngành đào tạo.....	16
4.1.2. Giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy.....	16
4.2. Phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học.....	29
5. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC.....	29
5.1. Đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên.....	29
5.2. Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu.....	38
6. CƠ SỞ VẬT CHẤT.....	51
6.1. Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành.....	51
6.2. Giáo trình, tài liệu hỗ trợ giảng dạy, học tập, nghiên cứu.....	52
6.3. Trang thông tin điện tử.....	71
6.4. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Hải Phòng.....	71
7. TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ.....	71
7.1. Cán bộ quản lý cấp khoa.....	71
7.2. Danh sách cán bộ quản lý phụ trách ngành đào tạo.....	73
7.3. Danh sách cán bộ quản lý thiết bị.....	74
7.4. Danh sách cán bộ quản lý thư viện.....	74
8. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO.....	75
8.1. Phân tích tình hình phát triển kinh tế xã hội.....	75
8.1.1. Cơ hội.....	75
8.1.2. Nguy cơ, rủi ro.....	77
8.2. Giải pháp xử lý rủi ro.....	78

DANH MỤC BẢNG SỐ LIỆU

Bảng 1.1. Kết quả tuyển sinh đại học chính quy giai đoạn 2008-2022.....	6
Bảng 1.2. Kết quả đào tạo đại học chính quy giai đoạn 2008-2022.....	6
Bảng 1.3. Kết quả tuyển sinh thạc sĩ giai đoạn 2008-2022	7
Bảng 1.4. Kết quả đào tạo thạc sĩ giai đoạn 2008-2022.....	10
Bảng 4.1. Danh sách giảng viên, nhà khoa học của ngành đào tạo.....	17
Bảng 4.2. Danh sách giảng viên cơ hữu, giảng viên toàn thời gian	19
Bảng 4.3. Danh sách giảng viên thỉnh giảng của ngành đào tạo.....	24
Bảng 4.4. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo	25
Bảng 5.1. Các đề tài nghiên cứu khoa học của Trường, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo do Trường thực hiện	30
Bảng 5.2. Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu (trong vòng 5 năm)	38
Bảng 6.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo	51
Bảng 6.2. Tên sách, giáo trình, tạp chí	52
Bảng 7.1. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa	72
Bảng 7.2. Danh sách cán bộ quản lý phụ trách ngành đào tạo	73
Bảng 7.3. Danh sách cán bộ quản lý thiết bị	74
Bảng 7.4. Danh sách cán bộ quản lý thư viện	74

Hải Phòng, ngày tháng năm 2023

ĐỀ ÁN

Mở ngành đào tạo trình độ **thạc sĩ,**
Ngành: **Kế toán – Mã số: **8340301****

1. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ TRƯỜNG

1.1. Giới thiệu chung về Trường

Trường Đại học Hải Phòng, tổ chức tiền thân là Trường Trung học Sư phạm và Trường Cao đẳng Sư phạm Hải Phòng được thành lập từ năm 1959, đến nay đã có trên 60 năm xây dựng và trưởng thành.

Ngày 20 tháng 4 năm 2000, Trường Đại học Sư phạm Hải Phòng được thành lập theo Quyết định số 48/2000/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở sáp nhập bốn đơn vị giáo dục, đào tạo lớn của thành phố Hải Phòng (Trường Cao đẳng Sư phạm Hải Phòng, Trường Đại học Tại chức Hải Phòng; Trường Cán bộ quản lý Giáo dục và Bồi dưỡng giáo viên Hải Phòng; Trung tâm Ngoại ngữ Hải Phòng). Trong quá trình xây dựng và phát triển, 4 đơn vị hợp thành đã không ngừng nâng cao chất lượng và mở rộng quy mô đào tạo, đáp ứng nhiệm vụ từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của Hải Phòng và các tỉnh khu vực: Đã đào tạo và bồi dưỡng 35.000 lượt giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các bậc học phổ thông và mầm non; đào tạo và bồi dưỡng 23.000 lượt cán bộ quản lý kinh tế, khoa học - kỹ thuật, công nghệ (theo các hình thức: đào tạo không chính quy bậc đại học, liên kết đào tạo chính quy bậc đại học).

Xuất phát từ mục tiêu xây dựng thành phố Hải Phòng trở thành trung tâm giáo dục - đào tạo của cả vùng duyên hải Bắc bộ theo tinh thần Nghị quyết số 32-NQ/TW của Bộ Chính trị, ngày 09/04/2004, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 60/2004/QĐ-TTg đổi tên Trường Đại học Sư phạm Hải Phòng thành Trường Đại học Hải Phòng (sau đây gọi tắt là Trường), đào tạo đại học đa ngành nhằm đào tạo nguồn nhân lực cho vùng duyên hải Bắc Bộ. Từ năm 2004 đến nay với những bước đi đúng đắn và năng động, Trường đã có bước phát triển nhanh cả về quy mô đào tạo trình độ đại học, chất lượng đào tạo từng bước được nâng lên, góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa Thành phố và đất nước.

Đóng trên địa bàn một thành phố cảng, công nghiệp - thương mại - dịch vụ, thuộc vùng Duyên hải Bắc Bộ - nơi có mật độ dân cư cao nhất toàn quốc và nền kinh tế phát triển năng động, do đó nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao là rất lớn - Trường có sức hút mạnh mẽ đối với địa phương và các vùng phụ cận. Mặt khác,

Trường là trường đại học của địa phương, vì vậy, đã nhận được rất nhiều sự quan tâm chỉ đạo và được hưởng các chính sách ưu đãi của Trung ương và Thành phố. Kết luận số 72- KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 32-NQ/TW về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đã nhấn mạnh định hướng phát triển Trường theo hướng đa ngành, trở thành trường đại học trọng điểm vùng Duyên hải Bắc Bộ.

Trường có diện tích đạt chuẩn theo quy hoạch mạng lưới các trường đại học, có cơ sở vật chất tương đối khang trang, hiện đại. Hệ thống cơ sở vật chất và hạ tầng của Nhà trường đồng bộ, phục vụ tốt công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học. Trường có tổng diện tích 283.948,9 m² đất trong đó tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường là 55.966 m². Trường có tổng cộng 263 phòng học, trong đó có 06 phòng học trên 200 chỗ (diện tích 3.780 m²), 12 phòng học từ 100 - 200 chỗ (diện tích 2.400 m²), 226 phòng học từ 50 - 100 chỗ (diện tích 17.395 m²), 9 phòng học dưới 50 chỗ (diện tích 270 m²), 10 phòng học đa chức năng (diện tích 720 m²). Trường có 03 cơ sở chính, tại các khu vực thuộc quận Kiến An và Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Trung tâm thư viện có diện tích sàn là 2.695 m², có 03 phòng đọc với diện tích 368m², 04 kho tư liệu được kết nối thuận tiện với các phòng đọc. Thư viện được trang bị phần mềm thư viện điện tử, thư viện số KIPOS và hệ thống internet phủ sóng tất cả các khu vực phục vụ tra cứu, học tập và nghiên cứu. Tính đến tháng 6/2022, Thư viện có 35.451 đầu sách tương ứng với tổng số lượng khoảng 143.308 bản; 3.537 đầu luận văn, luận án; 400 đề tài NCKH. Ngoài ra, Thư viện có liên kết trao đổi tài liệu số, cơ sở dữ liệu với thư viện của các trường như: Trường Đại học Hàng Hải, Đại học Quốc Gia Hà Nội, Trường Đại học Hồng Đức, Trường Đại học Thương Mại. Thư viện Trường có quyền được khai thác tài liệu điện tử, tài liệu nội sinh, bài báo, kỷ yếu hội thảo tiếng Việt và tiếng Anh thuộc nhiều lĩnh vực, chuyên ngành khác nhau.

Cơ cấu tổ chức của Trường có 32 đơn vị trực thuộc, trong đó có 12 Khoa đào tạo, cụ thể là: Khoa Toán và Khoa học Tự nhiên, Khoa Công nghệ Thông tin, Khoa Ngữ văn và Khoa học Xã hội, Khoa Du lịch; Khoa Ngoại ngữ, Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non, Khoa Lý luận Chính trị, Khoa Tâm lý - Giáo dục học; Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Khoa Kế toán - Tài chính, Khoa Xây dựng, Khoa Điện - Cơ; 06 trung tâm, 10 phòng, 01 ban, và 03 Trường thực hành sư phạm là: Trường Mầm non Thực hành, Trường Tiểu học Thực hành, Trường Phổ thông Phan Đăng Lưu.

Đảng bộ Trường có 32 Chi bộ, 601 Đảng viên; Công đoàn Trường có 33 Công đoàn cơ sở; Đoàn Thanh niên có 13 Liên chi đoàn và 6 Chi đoàn trực thuộc.

Lãnh đạo Nhà trường luôn quan tâm đến công tác đảm bảo và nâng cao chất lượng trường đại học, công tác xây dựng và phát triển đội ngũ nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên phục vụ đào tạo là yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đào tạo. Trong những năm qua, được sự quan tâm của Lãnh đạo thành phố Hải Phòng, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường Đại học Hải Phòng đội ngũ giảng viên cơ hữu của Nhà trường đã không ngừng tăng về số lượng và chất lượng. Tính đến 31/12/2022, tổng số cán bộ viên chức, người lao động đang làm việc tại trường là 754 người trong đó đội ngũ nhân sự có trình độ cao gồm 09 PGS, 97 TS, 407 ThS. Đội ngũ giảng viên 417 người (trong đó có 11 giảng viên cao cấp, 126 GVC, 36 NCS (05 NCS nước ngoài), 04 học viên cao học (01 Cao học nước ngoài). Đội ngũ cán bộ, viên chức có đạo đức, có trình độ quản lý và trình độ chuyên môn vững vàng đảm bảo chất lượng giảng dạy và phục vụ người học.

Hiện nay, quy mô đào tạo của Trường khoảng 18.000 người, trong đó 10.000 học viên, sinh viên theo hình thức chính quy, cao học hơn 500 học viên, 07 NCS; học viên hệ VLVH khoảng 6000 người. Riêng ngành Kế toán, hàng năm Trường tuyển sinh từ 200- 300 sinh viên hệ chính quy, 50 - 100 sinh viên hệ vừa làm vừa học. Tính đến 31/12/2022, Nhà trường có 02 CTĐT trình độ tiến sĩ, 06 CTĐT thạc sĩ, 31 CTĐT đại học; 01 CTĐT cao đẳng. Việc thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ được Nhà trường áp dụng từ năm học 2009 - 2010, hàng năm đều tổ chức rút kinh nghiệm để đào tạo tốt hơn.

Hiện nay, Nhà trường đang đào tạo 02 ngành trình độ Tiến sĩ, 06 ngành trình độ Thạc sĩ, 24 ngành trình độ Đại học, 01 ngành trình độ Cao đẳng sư phạm Mầm non. Các ngành đào tạo được ổn định và phát triển theo 4 khối ngành: (1) Khối Sư phạm đào tạo các loại hình đào tạo giáo viên từ mầm non đến trung học phổ thông; (2) Khối Kinh tế đào tạo những chuyên ngành trọng yếu của nền kinh tế như: Kinh tế ngoại thương, Kinh tế vận tải và dịch vụ, Quản lý kinh tế, Quản trị Kinh doanh, Kế toán, Tài chính...; (3) Khối Công nghệ - Kỹ thuật đào tạo các ngành quan trọng, cần thiết cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa: Công nghệ thông tin, Xây dựng, Kiến trúc, Cơ khí, Điện,...; (4) Khối ngành cử nhân khoa học cơ bản, khoa học xã hội và nhân văn: Toán, Ngữ văn, Công tác xã hội, Việt Nam học, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Anh, Du lịch,... Số lượng học viên nghiên cứu sinh, cao học, sinh viên hệ chính quy tốt nghiệp trong 5 năm qua (2018-2023): 02 Tiến sĩ; 818 Thạc sĩ; 6.891 Đại học, 319 Cao đẳng.

Nhà trường đã hoàn thiện công tác đánh giá trong, được Bộ Giáo dục và Đào tạo cử đoàn chuyên gia CQAIE VN và IIG VN tới khảo sát, đánh giá ngoài vào tháng 5/2009, đạt chất lượng đào tạo mức 1; được tổ chức quốc tế WQA đánh giá, cấp chứng chỉ ISO 9001: 2008 vào tháng 9 năm 2012. Tháng 7/2018, Nhà trường đã đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục và được Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục. Tháng 12 năm 2022, Trường đã hoàn thành đánh giá ngoài kiểm định 3 CTĐT đại học cho giai đoạn 5 năm tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm

2021, bao gồm: CTĐT ngành Công nghệ thông tin, CTĐT ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện – Điện tử, CTĐT ngành Kế toán – chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp.

Hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ luôn được Trường xác định là một trong những hoạt động trọng tâm. Hàng năm, Nhà trường xuất bản 06 số Tạp chí khoa học theo 02 chuyên san: Khoa học Giáo dục và Xã hội - Nhân văn và Khoa học Kinh tế và Kỹ thuật - Công nghệ. Tổ chức các Hội thảo khoa học, tiêu biểu như: Hội thảo về đổi mới quản lý giáo dục, nâng cao chất lượng đào tạo năm 2010, Hội thảo về quản lý đào tạo sau đại học năm 2011, Hội thảo quốc tế về quản lý và nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Anh tại các trường Đại học giai đoạn 2011 - 2015, Hội thảo khoa học cán bộ trẻ toàn quốc lần thứ I năm 2012, Hội thảo khoa học cán bộ trẻ Trường Đại học Hải Phòng lần II năm 2015, Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Trường và Lễ trao giải thưởng Tài năng khoa học trẻ Trường Đại học Hải Phòng lần thứ III - năm 2016; Hội thảo Đổi mới phương pháp đào tạo đáp ứng yêu cầu người sử dụng lao động...; chủ trì tổ chức Hội thảo khoa học quốc gia “Nâng cao năng quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0” (tháng 11/2017); phối hợp với Sở Giáo dục & Đào tạo Hải Phòng, Hội Kiều học Việt Nam, tổ chức Hội thảo Khoa học Quốc gia Giảng dạy & học tập Nguyễn Du và Truyện Kiều trong nhà trường (ngày 19/9/2018); Hội thảo khoa học quốc tế Thành phố thông minh, nền tảng khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững (tháng 11/2018); Hội thảo khoa học Cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung: Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam” (tháng 10/2018), chủ trì chức hội thảo quốc tế FDI toàn cầu và ứng biến của doanh nghiệp FDI tại Việt Nam (tháng 9/2021), đồng tổ chức hội thảo quốc tế Phục hồi và phát triển kinh tế Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19 (tháng 6/2022), Chủ trì tổ chức Hội thảo khoa học quốc gia “Chuyển đổi số trong quản lý kinh tế, kinh doanh và tài chính – kế toán” (tháng 12/2022)...

Trong thời gian 10 năm từ năm học 2013 - 2014 đến hết năm học 2022 - 2023, Nhà trường đã nghiệm thu 26 đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ và thành phố, 314 đề tài cấp trường. Cán bộ giảng viên Nhà trường xuất bản 112 đầu sách chuyên khảo, tham khảo, giáo trình; đăng tải 763 bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, trong đó có 228 bài trên các tạp chí khoa học quốc tế.

Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên diễn ra sôi nổi, thu hút hàng ngàn sinh viên tham gia. Trong 10 năm gần đây, Nhà trường có 21 đề tài sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Bộ, 323 đề tài cấp Trường. Sinh viên Nhà trường đã đạt 17 giải “Giải thưởng Khoa học Công nghệ dành cho sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học”, với 03 bài báo, công trình nghiên cứu khoa học đã được công bố. Đầu năm 2016, Nhà trường tổ chức thành công Lễ ra mắt Câu lạc bộ sinh viên nghiên cứu khoa học Trường Đại học Hải Phòng, góp phần tạo ra môi trường lành mạnh cho sinh viên Nhà trường được cọ xát với nghiên cứu, khơi dậy niềm mê say với khoa học trong sinh viên.

Hoạt động hợp tác quốc tế được Trường quan tâm, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học. Nhà trường chủ trương tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế với các trường đại học, học viện và các tổ chức nước ngoài ở 12 quốc gia trong lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu khoa học (Trung Quốc, Nga, Thái Lan, Phần Lan, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Lào, Campuchia, Singapore...); hợp tác với Phần Lan xây dựng đề án khu sinh thái Cát Bà; hợp tác với Học viện Nông nghiệp Quảng Tây Trung Quốc xây dựng khu thực hành sinh nông, phòng nuôi cấy mô; hợp tác với Đại học Dân tộc Quảng Tây Trung Quốc xây dựng Trung tâm đào tạo quốc tế và Hán ngữ; hợp tác với Đại sứ quán Hoa Kỳ xây dựng và tổ chức hoạt động góc nghiên cứu Việt Nam - Hoa Kỳ.

Trong những năm học vừa qua, Nhà trường tích cực duy trì và mở rộng hoạt động hợp tác với các đối tác. Ngoài các đối tác truyền thống, Nhà trường đã mở rộng hợp tác với các đối tác mới, tiềm năng khác. Trường đã thiết lập và phát triển quan hệ hợp tác với 45 trường đại học, học viện, các tổ chức, công ty nước ngoài. Nhiều chương trình liên kết đào tạo, trao đổi học thuật, trao đổi cán bộ, giảng viên và sinh viên đã được thực hiện, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu của đội ngũ, nâng cao chất lượng đào tạo và ngoại ngữ, cải thiện cơ sở vật chất và nâng cao uy tín của Trường.

Từ năm học 2012 – 2013 đến 31/12/2022, Trường đã kí kết 64 văn bản ghi nhớ hợp tác với đối tác đến từ Trung Quốc, Hàn Quốc, Thái Lan, Nhật Bản, Đài Loan, Lào, Bulgaria. Căn cứ các văn bản hợp tác, Trường tích cực triển khai 32 văn bản ghi nhớ đạt tỉ lệ 50%, với các hoạt động cụ thể và chủ yếu là: hợp tác trao đổi sinh viên, giảng viên. Trường đã tiếp nhận 2469 sinh viên nước ngoài từ các đối tác và cử 310 sinh viên đi học tập tại Trường Đại học Dân tộc Quảng Tây, Học viện Sư phạm Dân tộc Quảng Tây (Trung Quốc), Trường Đại học Quản lý Varna (Bulgari), Trường Đại học Mahasarakham (Thái Lan). Trong 10 năm qua, Trường đã tổ chức nhiều hội thảo quốc tế, nói chuyện chuyên đề với sự tham gia của các học giả, chuyên gia đến từ Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc, Pháp, Nhật Bản.

Hoạt động đào tạo sau đại học được Trường đặc biệt quan tâm. Hiện nay, Trường đang đào tạo 02 mã ngành đào tạo trình độ tiến sĩ: Quản lý kinh tế, Ngôn ngữ Việt Nam; 6 mã ngành trình độ thạc sĩ: Quản trị Kinh doanh, Quản lý Kinh tế, Ngôn ngữ Việt Nam, Giáo dục học, Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán, Kỹ thuật xây dựng. Tính đến thời điểm tháng 12 năm 2022, Nhà trường đang đào tạo 07 nghiên cứu sinh; 506 học viên các chuyên ngành. Trong năm 2022, Nhà trường tuyển được 01 nghiên cứu sinh và 203 học viên cao học; có 185 học viên cao học tốt nghiệp. Kết quả của hoạt động này góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ, đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trên địa bàn thành phố Hải Phòng và các tỉnh thành lân cận.

1.2. Khái quát về quá trình đào tạo

1.2.1. Công tác tuyển sinh và đào tạo đại học chính quy

Tính đến đầu năm học 2022 – 2023, Trường đã tuyển sinh được 23 khóa đại học chính quy ngành kế toán, trong đó đã tốt nghiệp được 19 khóa với gần 4.000 sinh viên tốt nghiệp.

Thông kê công tác tuyển sinh và kết quả đào tạo đại học chính quy trong toàn trường giai đoạn 15 năm gần đây:

Bảng 1.1. Kết quả tuyển sinh đại học chính quy giai đoạn 2008-2022

Năm	Đại học chính quy						
	Kinh tế	Kỹ thuật	Khối XH	Ngoại ngữ	Toán học	Sư phạm	Tổng
2008	930	350	415	250	162	530	2.637
2009	920	663	600	150	196	569	3.098
2010	1.117	546	397	180	123	636	2.999
2011	1.937	299	300	162	54	520	3.272
2012	1.490	218	235	199	56	655	2.853
2013	1.554	462	374	345	115	753	3.603
2014	754	263	234	252	77	560	2.140
2015	903	240	399	286	90	545	2.463
2016	1.001	361	220	335	0	343	2.260
2017	699	444	219	520	0	280	2.162
2018	674	383	283	385	0	243	1.968
2019	644	285	199	309	0	178	1.715
2020	686	352	217	408	0	345	2.008
2021	1.664	889	174	861	0	749	4.337
2022	922	818	573	248	0	736	3.297
Cộng	15.895	6.573	4.839	4.890	873	7.642	40.712

Bảng 1.2. Kết quả đào tạo đại học chính quy giai đoạn 2008-2022

Năm	Đại học chính quy						
	Kinh tế	Kỹ thuật	Khối XH	Ngoại ngữ	Toán học	Sư phạm	Tổng
2008	280	180	0	150	162	490	1.262
2009	350	210	125	239	196	499	1.619
2010	410	280	239	283	123	500	1.835
2011	541	310	368	293	54	483	2.049

Năm	Đại học chính quy						
	Kinh tế	Kỹ thuật	Khối XH	Ngoại ngữ	Toán học	Sư phạm	Tổng
2012	856	290	376	222	56	499	2.299
2013	830	190	362	108	52	446	1.988
2014	1.106	167	320	159	26	251	2.029
2015	778	157	300	266	62	617	2.180
2016	901	163	151	122	0	370	1.707
2017	756	224	199	143	26	513	1.861
2018	586	209	106	163	15	437	1.516
2019	459	161	103	131	10	418	1.282
2020	315	94	58	160	3	291	921
2021	642	318	145	343	0	280	1.728
2022	420	183	103	268	0	225	1.199
Cộng	9.230	3.136	2.955	3.050	785	6.319	25.475

Riêng ngành Kế toán (thuộc khối Kinh tế), theo kết luận trong Báo cáo Đánh giá ngoài CTĐT ngành Kế toán - chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp, giai đoạn 2017 – 2021, tỷ lệ tốt nghiệp của ngành này đạt từ trên 65,50 % đến 94,25% tùy theo khoá học; số lượng sinh viên ngành Kế toán có việc làm ở ngay năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp chiếm tỷ lệ khá cao (năm 2018 là 95,73%; năm 2019 là 73,65%; năm 2020 là 97,71% và năm 2021 là 80,28%), trong đó phần lớn làm việc đúng ngành đào tạo hoặc liên quan đến ngành đào tạo; môi trường làm việc của sinh viên khá đa dạng, cụ thể: khu vực Nhà nước dao động từ 11,61% đến 39,84%; khu vực tư nhân dao động từ 45,37% đến 77,68%; liên doanh/nước ngoài dao động từ 0,00% đến 5,71%; tự tạo việc làm chiếm tỷ lệ từ 0,00% đến 30,56%.

1.2.2. Công tác tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ

Công tác tuyển sinh và kết quả đào tạo thạc sĩ giai đoạn 2008 – 2022 như sau:

Bảng 1.3. Kết quả tuyển sinh thạc sĩ giai đoạn 2008-2022

Năm tuyển sinh	Đợt tuyển sinh	Chuyên ngành	Dự thi	Trúng tuyển	Nhập học
2008		Quản trị kinh doanh	81	38	38
		Ngôn ngữ Việt Nam	42	18	18
2009	Đợt 1	Quản trị kinh doanh	89	56	56
		Ngôn ngữ Việt Nam	34	22	22
	Đợt 2	Quản trị kinh doanh	81	28	28
2010	Đợt 1	Quản trị kinh doanh	58	40	40

Năm tuyển sinh	Đợt tuyển sinh	Chuyên ngành	Dự thi	Trúng tuyển	Nhập học
		Ngôn ngữ Việt Nam	34	28	26
	Đợt 2	Quản trị kinh doanh	108	52	52
		Ngôn ngữ Việt Nam	22	14	14
2011	Đợt 1	Quản trị kinh doanh	70	54	54
		Ngôn ngữ Việt Nam	08	03	03
	Đợt 2	Quản trị kinh doanh	104	86	85
		Ngôn ngữ Việt Nam	22	14	12
2012	Đợt 1	Quản trị kinh doanh	136	98	98
		Ngôn ngữ Việt Nam	16	12	12
	Đợt 2	Quản trị kinh doanh	205	59	59
		Ngôn ngữ Việt Nam	14	12	12
2013	Đợt 1	Quản trị kinh doanh	142	102	99
	Đợt 2	Quản trị kinh doanh	124	102	97
2014	Đợt 1	Quản trị kinh doanh	59	56	56
		Quản lý kinh tế	77	66	66
	Đợt 2	Quản trị kinh doanh	42	42	39
		Quản lý kinh tế	88	86	82
2015	Đợt 1	Quản trị kinh doanh	50	50	49
		Quản lý kinh tế	98	96	96
		Ngôn ngữ Việt Nam	39	39	39
	Đợt 2	Quản lý kinh tế	111	92	91
		Ngôn ngữ Việt Nam	15	15	15
		Quản trị kinh doanh	31	23	22
		Giáo dục học	27	26	26
2016	Đợt 1	Quản trị kinh doanh	37	32	32
		Quản lý kinh tế	172	155	155
	Đợt 2	Quản lý kinh tế	82	61	61
		Quản trị kinh doanh	39	32	32
		Giáo dục học	36	30	30
		Ngôn ngữ Việt Nam	27	18	17
		LL và PPDH bộ môn Toán	32	29	29
2017	Đợt 1	Quản trị kinh doanh	20	20	20
		Quản lý kinh tế	125	92	91

Năm tuyển sinh	Đợt tuyển sinh	Chuyên ngành	Dự thi	Trúng tuyển	Nhập học
	Đợt 2	Giáo dục học	30	29	29
		Ngôn ngữ Việt Nam	16	15	15
		LL và PPDH bộ môn Toán	17	17	17
2018	Đợt 1	Quản trị kinh doanh	26	26	25
		Quản lý kinh tế	75	74	74
	Đợt 2	Ngôn ngữ Việt Nam	12	11	11
		Giáo dục học	17	16	16
		LL và PPDH bộ môn Toán	14	14	14
2019	Đợt 1	Quản trị kinh doanh	16	16	16
		Quản lý kinh tế	37	37	37
		Ngôn ngữ Việt Nam	02	02	02
		Giáo dục học	08	08	08
		LL và PPDH bộ môn Toán	05	05	05
	Đợt 2	Quản trị kinh doanh	06	06	06
		Quản lý kinh tế	21	21	21
		Ngôn ngữ Việt Nam	01	01	01
		Giáo dục học	17	17	17
		LL và PPDH bộ môn Toán	13	13	13
2020	Đợt 1	Quản trị kinh doanh	14	14	14
		Quản lý kinh tế	37	37	37
		Ngôn ngữ Việt Nam	02	02	02
		Giáo dục học	14	14	14
		LL và PPDH bộ môn Toán	07	07	07
	Đợt 2	Quản trị kinh doanh	20	20	20
		Quản lý kinh tế	34	34	33
		Ngôn ngữ Việt Nam	12	12	11
		Giáo dục học	57	57	57
		LL và PPDH bộ môn Toán	10	10	09
2021	Đợt 1	Quản trị kinh doanh	11	11	11
		Quản lý kinh tế	37	37	36
		Ngôn ngữ Việt Nam	09	09	09
		Giáo dục học	106	106	106
		LL và PPDH bộ môn Toán	22	22	22

Năm tuyển sinh	Đợt tuyển sinh	Chuyên ngành	Dự thi	Trúng tuyển	Nhập học
		Kỹ thuật xây dựng	14	14	13
	Đợt 2	Quản trị kinh doanh	17	17	17
		Quản lý kinh tế	71	71	68
		Ngôn ngữ Việt Nam	08	08	08
2022	Đợt 1	Quản trị kinh doanh	23	21	21
		Quản lý kinh tế	19	17	17
		Ngôn ngữ Việt Nam	03	03	03
		Giáo dục học	46	45	45
		LL và PPDH bộ môn Toán	17	16	16
	Đợt 2	Quản trị kinh doanh	14	14	14
		Quản lý kinh tế	23	23	22
		Ngôn ngữ Việt Nam	08	08	08
		Giáo dục học	43	43	42
		LL và PPDH bộ môn Toán	07	07	07
		Kỹ thuật xây dựng	08	08	08
			Tổng	3.643	2.933

Bảng 1.4. Kết quả đào tạo thạc sĩ giai đoạn 2008-2022

STT	Ngành		QTKD	NNVN	QLKT	GD học	PPDH toán	Kỹ thuật xây dựng	Tổng
	Khóa								
1	I (2008-2010)		37	18					55
2	II (2009-2011)		74	22					101
3	III (2010-2012)		81	40					121
4	IV (2011-2013)		123	14					137
5	V (2012-2014)		147	24					171
6	VI (2013-2015)		181	-					181
7	VII (2014-2015)		90	-	140				230
8	VIII (2015-2017)		66	54	181	26			327
9	IX (2016-2018)		53	17	203	28	28		329
10	X (2017-2019)		18	14	92	27	16		169
11	X (2018-2020)		20	10	63	15	14		122
12	X (2019-2021)		21	3	53	25	17		119
13	X (2020-2022)		34	13	67	70	14		198
	Cộng		950	229	798	191	89		2.257

2. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Kế toán ra đời kể từ khi có sự xuất hiện của tiền tệ và nền sản xuất hàng hóa (khoảng 4000 năm trước Công nguyên). Trong suốt tiến trình lịch sử phát triển, kế toán luôn gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh của con người, là một công cụ quản lý kinh tế quan trọng, không thể thiếu được đối với mọi nền sản xuất hàng hóa.

Việt Nam đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới với việc tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do, do vậy, việc chuẩn bị những nền tảng, điều kiện cần thiết để vận dụng những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ giúp lĩnh vực kế toán nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu, vào thị trường dịch vụ tài chính, đóng góp cho sự phát triển đất nước. Nguồn nhân lực kế toán đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển của doanh nghiệp và nền kinh tế. Trong bối cảnh hiện nay, nguồn nhân lực kế toán cần phải được nâng cao để đáp ứng về số lượng và chất lượng theo kịp yêu cầu của sự phát triển.

Từ năm 2015, với sự ra đời của Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), thị trường lao động Việt Nam trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng, đa dạng hóa loại hình hoạt động, năng lực cũng như trình độ của các tổ chức, cá nhân. Theo đó, dịch vụ kiểm toán, kế toán là một trong 8 lĩnh vực, nhóm ngành nghề đầu tiên được dịch chuyển tự do trong khối ASEAN, mở ra cơ hội thuận lợi giúp đa dạng hóa lao động và tăng cường hội nhập với khu vực, song cũng đặt ra không ít khó khăn, thách thức trong việc đáp ứng những tiêu chuẩn để đạt thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MRA).

Hải Phòng là thành phố cảng, trung tâm công nghiệp, đầu mối giao thông quan trọng giao lưu trong nước và quốc tế, có tiềm năng, lợi thế so sánh cho phát triển kinh tế. Trong quá trình hoạch định chiến lược phát triển kinh tế xã hội của thành phố Hải Phòng, một vấn đề được coi là cốt lõi, nhân tố quan trọng là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Nghị quyết Đại hội Đại biểu thành phố lần thứ XVI cũng đã chỉ rõ và đưa ra các nhiệm vụ giải pháp chủ yếu trong đó tiếp tục bố trí nguồn lực đầu tư hợp lý để nâng cấp cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, chú trọng việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, khẳng định Hải Phòng là trung tâm giáo dục - đào tạo của vùng Duyên hải Bắc bộ, là một trong những địa phương có chất lượng giáo dục, đào tạo hàng đầu cả nước.

Mặt khác, hiện nay trên địa bàn thành phố còn có 02 cơ sở giáo dục đại học đào tạo trong khối kinh tế là Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam và Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng nhưng chưa có trường đại học nào đào tạo ngành Kế toán ở trình độ Thạc sĩ. Đồng thời, hàng năm có hàng ngàn sinh viên tốt nghiệp khối ngành Kinh tế làm việc tại Hải Phòng và các địa phương lân cận, tỷ lệ người làm việc về kế toán và liên quan đến kế toán, kiểm toán rất lớn. Trong khi đó, số lượng sinh viên và người lao động làm việc trong lĩnh vực kế toán tại các doanh

nghiệp tại Hải Phòng là rất lớn, nhu cầu học tập nâng cao trình độ chuyên môn ở bậc thạc sĩ là thường xuyên và ổn định.

Tính đến nay, Trường đã đào tạo tốt nghiệp 19 khóa đại học chính quy ngành Kế toán (với số lượng sinh viên tốt nghiệp gần 4.000 người); 8 khóa đào tạo đại học chính quy liên thông từ các hệ trung cấp, cao đẳng lên đại học kế toán; 6 khóa đào tạo đại học chính quy văn bằng 2 và nhiều khóa đào tạo đại học vừa làm, vừa học ngành kế toán... Hầu hết số người học tốt nghiệp do Trường đào tạo đã có việc làm tại các doanh nghiệp, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp... trong và ngoài địa bàn thành phố Hải Phòng. Có nhiều người là giảng viên các trường đại học, cao đẳng. Trong đó, rất nhiều cựu người học Kế toán phản hồi rằng có nhu cầu tiếp tục học ở bậc học cao hơn nhưng không tìm được địa chỉ đào tạo đúng ngành đã theo học tại Hải Phòng. Bất cập đó khiến họ phải chuyển đổi sang ngành học khác hoặc đi học xa hoặc tạm hoãn lại con đường học vấn chuyên môn.

Kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ Kế toán cho thấy việc đào tạo thạc sĩ kế toán để đáp ứng yêu cầu mới về nguồn nhân lực chất lượng cao tại Trường Đại học Hải Phòng là cần thiết.

Chủ trương mở ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ kế toán đã được xác định trong phương hướng phát triển của Trường và đã được Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Hội đồng trường quyết nghị thông qua trong Nghị quyết kỳ họp Hội đồng trường Trường Đại học Hải Phòng khóa II lần thứ X số 22/NQ-HĐTĐHHP, ngày 31 tháng 03 năm 2023.

Nhu cầu học tập nâng cao trình độ ngành Kế toán ở bậc thạc sĩ là một nhu cầu tự thân của các chuyên viên, giảng viên, viên chức, người lao động đang làm việc trong lĩnh vực kinh tế tại thành phố Hải Phòng cũng như các tỉnh phụ cận. Nhu cầu này khá lớn và lâu dài.

Trường Đại học Hải Phòng đáp ứng đủ điều kiện để được xem xét cấp phép đào tạo ngành Kế toán trình độ thạc sĩ, cụ thể:

+ Đã đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy ngành Kế toán, tính đến hết năm học 2021-2022, Trường đã đào tạo 23 khóa (trong đó tốt nghiệp 19 khóa, gần 4.000 sinh viên).

+ Không vi phạm các quy định hiện hành về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo.

+ Có đội ngũ giảng viên cơ hữu đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, đảm nhiệm trên 90% CTĐT trình độ thạc sĩ ở chuyên ngành đào tạo. Mặt khác, Trường Đại học Hải Phòng có mối quan hệ tốt với nhiều trường đại học trên địa bàn thành phố; các trường đại học đào tạo nhân lực kế toán trên phạm vi cả nước. Vì vậy việc mời các giáo sư, tiến sĩ từ nhiều trường đại học và cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng tham gia đào tạo thạc sĩ có nhiều thuận lợi.

+ Có cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo chuyên ngành ở trình độ thạc sĩ, cụ thể: có đủ phòng học, và các trang thiết bị, máy móc hiện đại, cần thiết đáp ứng yêu cầu của chuyên ngành Kế toán; Thư viện có phòng tra cứu thông tin cung cấp các nguồn thông tin tư liệu (sách, giáo trình và tạp chí trong và ngoài nước) được xuất bản trong 5 năm trở lại đây, đáp ứng yêu cầu dạy, học các học phần trong CTĐT và thực hiện đề án tốt nghiệp; có website của trường được cập nhật thường xuyên, công bố công khai cam kết chất lượng giáo dục, công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục, công khai thu chi tài chính.

+ Cơ sở đào tạo có năng lực, có kinh nghiệm trong nghiên cứu khoa học ở lĩnh vực kế toán. Mỗi giảng viên là tiến sĩ tham gia đào tạo thạc sĩ Kế toán đều có ít nhất 03 công trình khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có trong danh mục của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước quy định trong 5 năm trở lại đây.

+ CTĐT và đề cương chi tiết các học phần ngành Kế toán được xây dựng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã được Hội đồng thẩm định thông qua.

+ Khoa Kế toán – Tài chính là đơn vị chuyên môn đáp ứng yêu cầu chuyên môn đào tạo trình độ thạc sĩ Kế toán.

+ Phòng Quản lý sau đại học là đơn vị quản lý chuyên trách, thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quản lý đào tạo theo qui định;

+ Ngành Kế toán phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương, khu vực và quốc gia.

Từ các lý do trên, Trường Đại học Hải Phòng lập đề án đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép trường Đại học Hải Phòng mở ngành đào tạo thạc sĩ Kế toán.

3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Quá trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kế toán của Trường Đại học Hải Phòng được xây dựng, thẩm định và ban hành theo quy trình sau:

Sau khi Đề xuất mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kế toán được Hội đồng khoa học và đào tạo Trường thông qua tại Thông báo số 12/TB-HĐ KH&ĐT ngày 17/3/2023 và được Hội đồng Trường đồng ý về chủ trương mở ngành tại Nghị quyết số 22/NQ-HĐTĐHHP ngày 31/3/2023, Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Phòng đã ban hành Quyết định số 1490/QĐ-ĐHHP ngày 11/4/2023 về việc thành lập Ban xây dựng và Tổ giúp việc Ban xây dựng Đề án mở ngành Kế toán trình độ thạc sĩ. Đồng thời, ngày 13/4/2023, Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Phòng đã ra Quyết định số 1511/QĐ-ĐHHP về việc thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ thạc sĩ.

Ngày 05/05/2023, Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Phòng đã ban hành Quyết định số 1832/QĐ-ĐHHP về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo

trình độ thạc sĩ ngành Kế toán trình độ thạc sĩ, đến ngày 23/05/2023, Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Phòng đã ra Quyết định số 2127/QĐ-ĐHHP về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kế toán thay thế Quyết định số 1832/QĐ-ĐHHP.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kế toán đã họp tại Trường Đại học Hải Phòng để thẩm định chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kế toán. Hội đồng thẩm định đã thông qua Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kế toán của Trường.

Ngày 20/7/2023, Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Phòng đã ra Quyết định số 3358/QĐ-ĐHHP ban hành Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán theo định hướng ứng dụng.

Có thể khẳng định Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kế toán của Trường Đại học Hải Phòng được tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành theo đúng quy định tại Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.2. Khái quát về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kế toán của Trường Đại học Hải Phòng được xây dựng theo định hướng ứng dụng, khối lượng đào tạo 60 tín chỉ, thời gian đào tạo 02 năm chia thành 04 học kỳ. Cấu trúc của chương trình đào tạo gồm 4 phần kiến thức: Phần kiến thức chung; Phần kiến thức cơ sở ngành; Phần kiến thức chuyên ngành; Phần tốt nghiệp. Cụ thể như sau:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (Số tiết)	
				LT	TL, BT, TH
I. Phần kiến thức chung			6		
1	KTTH501	Triết học	4	42	18
2	KTPP502	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	2	25	05
II. Phần kiến thức cơ sở ngành			20		
2.1. Các học phần cơ sở ngành bắt buộc			12		
3	KTTK503	Thống kê và phân tích kinh tế	2	10	20
4	KTTC504	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	2	20	10
5	KTLT505	Lý thuyết kế toán	2	20	10
6	KTKD506	Quản trị kinh doanh hiện đại	2	20	10
7	KTDV507	Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo	2	15	15
8	KTCĐ508	Kế toán - Chuyên đề 01	1	10	5
9	KTCĐ509	Kế toán - Chuyên đề 02	1	10	5
2.2. Các học phần cơ sở ngành tự chọn: 4 học phần			8		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (Số tiết)	
				LT	TL, BT, TH
trong 10 học phần (8/20 tín chỉ)					
10	KTPL510	Pháp luật kinh tế	2	10	20
11	KTCM511	Chuẩn mực kế toán công	2	20	10
12	KTQL512	Thuế và quản lý thuế	2	20	10
13	KTTQ513	Hệ thống thông tin quản lý	2	15	15
14	KTKN514	Kiểm soát nội bộ và quản trị công ty	2	20	10
15	KTCL515	Quản trị chiến lược	2	10	20
16	KTTD516	Tư duy và đạo đức kế toán	2	15	15
17	KTTM517	Kinh tế số và thương mại điện tử	2	15	15
18	KTCN518	Công nghệ mới trong tài chính - kế toán	2	16	14
19	KTDC519	Thị trường và các định chế tài chính	2	15	15
III. Phần kiến thức chuyên ngành			22		
3.1. Các học phần chuyên ngành bắt buộc			12		
20	KTKK520	Kế toán tài chính nâng cao	2	20	10
21	KTQT521	Kế toán quản trị nâng cao	2	20	10
22	KTTA522	Kiểm toán tài chính nâng cao	2	15	15
23	KTPT523	Phân tích tài chính	2	18	12
24	KTHT524	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao	2	15	15
25	KTTT525	Nghiên cứu thực tế	2	5	25
3.2. Các học phần chuyên ngành tự chọn: chọn 5 học phần trong 13 học phần (10/ 26 tín chỉ)			10		
26	KTMB526	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	2	20	10
27	KTBC527	Báo cáo tài chính hợp nhất	2	20	10
28	KTKT528	Kế toán quốc tế	2	20	10
29	KTKC529	Kế toán công	2	20	10
30	KTNC530	Kế toán thuế nâng cao	2	20	10
31	KTNH531	Kế toán ngân hàng nâng cao	2	18	12
32	KTGT532	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	2	15	15
33	KTDT533	Đầu tư tài chính	2	15	15
34	KTKS534	Kiểm soát và kiểm toán nội bộ khu vực công	2	15	15
35	KTHD535	Kiểm toán hoạt động nâng cao	2	20	10
36	KTPD536	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	2	20	10

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (Số tiết)	
				LT	TL, BT, TH
37	KTNL537	Quản trị nhân lực	2	26	04
38	KTRR538	Quản trị rủi ro và thay đổi	2	20	10
IV. Phần tốt nghiệp			12		
39	KTTN539	Thực tập tốt nghiệp	6	20	70
40	KTTN540	Đề án tốt nghiệp	6	20	70
Tổng cộng			60		

4. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC

4.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học

4.1.1. Giảng viên của ngành đào tạo

Trong chương trình đào tạo của Nhà trường có 05 giảng viên đứng tên mở ngành, trong đó có 01 giảng viên có trình độ Phó Giáo sư, tiến sĩ ngành phù hợp và 04 giảng viên có trình độ Tiến sĩ ngành phù hợp (Bảng 4.1).

4.1.2. Giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy

Tham gia giảng dạy CTĐT trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kế toán, Nhà trường có 23 giảng viên có trình độ Phó Giáo sư, Tiến sĩ, trong đó có 03 PGS và 20 tiến sĩ (Bảng 4.2).

Số cán bộ giảng viên cơ hữu của Nhà trường có thể đảm nhận 24/24 học phần của CTĐT, tương đương với 48/48 tín chỉ (100%), không tính số tín chỉ thực tập, tốt nghiệp.

4.1.3. Giảng viên thỉnh giảng

Ngoài giảng viên cơ hữu, Nhà trường còn mời nhiều nhà khoa học đến từ các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu có uy tín trong và ngoài thành phố cùng tham gia giảng dạy, hướng dẫn đề án tốt nghiệp (Bảng 4.3).

Bảng 4.1. Danh sách giảng viên, nhà khoa học của ngành đào tạo

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệ	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Nguyễn Thái Sơn 02/11/1972	031072002228; Việt Nam	PGS, 2016	TS; VN; 2004	Kinh tế thế giới và Quan hệ kinh tế quốc tế	01/05/1995		0397025630	15	03 ĐT cấp Bộ/ Tỉnh	07 ĐT; 01 GT; 04 sách CK 48 BB.	
2	Lương Khánh Chi 08/11/1978	031178001703; Việt Nam		TS; VN; 2017	Kế toán	01/01/2004		0306005425	05	01 sách CK	01 ĐT cấp TP; 01 ĐT cấp Trường; 01 GT; 10 BB	
3	Hoàng Thị Nga 12/09/1980	024180000339; Việt Nam		TS; Việt Nam; 2019	Kế toán	01/06/2013		0307007991	03	01 GT, 01 sách CK	01 ĐT cấp TP; 01 ĐT cấp Trường; 02 GT; 15 BB	

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
4	Đào Minh Hằng 08/11/1986	001186008236; Việt Nam		TS; Việt Nam; 2016	Kế toán	16/03/2010		3109040384	06	01 sách	01 ĐT cấp TP; 01 ĐT cấp Trường; 20 BB	
5	Phạm Anh Tuấn 10/12/1989	031501208; Việt Nam		TS; Việt Nam; 2022	Kế toán	01/01/2013		3112035123	02		08 BB	

TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ

TRƯỞNG KHOA KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

TS. Vũ Đức Văn

PGS.TS. Nguyễn Thái Sơn

Bảng 4.2. Danh sách giảng viên cơ hữu, giảng viên toàn thời gian

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệ	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Nguyễn Thái Sơn 02/11/1972	031072002228 Việt Nam	PGS, 2016	TS, VN, 2004	Kinh tế thế giới và Quan hệ kinh tế quốc tế	01/05/1995		0397025630	15	- 03 ĐT cấp Bộ/Tỉnh	07 ĐT; 01 GT; 04 sách CK; 48 BB	
2	Lương Khánh Chi 08/11/1978	031178001703; Việt Nam		TS; Việt Nam; 2017	Kế toán	01/01/2004		0306005425	05	01 sách CK	01 ĐT cấp TP; 01 ĐT cấp Trường; 01 GT; 10 BB	
3	Hoàng Thị Ngà 12/09/1980	024180000339; Việt Nam		TS; Việt Nam; 2019	Kế toán	01/06/2013		0307007991	03	01 GT, 01 sách CK	01 ĐT cấp TP, 01 ĐT cấp Trường; 02 GT, 15 BB	
4	Đào Minh Hằng 08/11/1986	001186008236; Việt Nam		TS; Việt Nam; 2016	Kế toán	16/03/2010		3109040384	06	01 sách	01 ĐT cấp TP; 01 ĐT cấp Trường; 20 BB	

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
5	Phạm Anh Tuấn 10/12/1989	031501208; Việt Nam		TS; Việt Nam; 2022	Kế toán	01/01/2013		3112035123	02	-	08 BB	
6	Nguyễn Thị My 24/06/1979	031179004045 Việt Nam		TS, VN, 2012	Quản lý Kinh tế	01/01/2004		0306005423	11	02 sách	01 ĐT cấp TP; 02 ĐT cấp Trường; 11 BB	
7	Nguyễn Thị Tuyệt Mai 09/03/1976	030956096 Việt Nam		TS, VN, 2017	Kinh tế	01/03/2003		0300000950	6	01 ĐT cấp Nhà nước,	01 ĐT cấp trường; 01 ĐT cấp TP; 01 GT; 02 sách tham khảo; 17 BB	
8	Bùi Bá Khiêm 28/11/1981	031062091 Việt Nam	PGS, 2018	TS, VN, 2013	Giao thông vận tải	01/06/2005		0306002521	15	04 sách	04 ĐT cấp TP; 08 ĐT cấp Trường; 04 GT; 32 BB	

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
9	Nguyễn Thị Thanh Nhân 25/04/1978	031009592 Việt Nam		TS, VN, 2012	Quản lý Kinh tế	01/08/2003		0306002518	20	02 sách CK	04 ĐT cấp TP; 03 ĐT cấp Trường; 04GT; 16 BB	
10	Nguyễn Văn Quyên 12/10/1979	031054590 Việt Nam		TS, VN, 2019	Cơ sở toán cho tin học	16/03/2010		0306002515	13	-	01 ĐT cấp Trường; 05 BB	
11	Đỗ Minh Thụy 29/10/1981	031175378 Việt Nam		TS, VN, 2013	Quản trị kinh doanh	01/12/2004		0306002519	10	02 sách	03 ĐT cấp TP; 06 ĐT cấp Trường; 03 GT; 33 BB	
12	Bùi Thị Minh Tiệp 18/09/1978	033178002543 Việt Nam		TS, VN, 2012	Kinh tế	16/03/2010		0307033433	11	03 sách	02 ĐT cấp TP; 02 ĐT cấp Trường; 14 BB	
13	Cao Thị Vân Anh 01/05/1983	031247883 Việt Nam		TS, VN, 2020	Quản trị kinh doanh	15/09/2007		3109041378	17	01 ĐT cấp Bộ	02 ĐT cấp Trường; 03 GT; 17 BB	

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
14	Nguyễn Thị Thúy Hà 22/05/1978	030985131 Việt Nam		TS, VN, 2019	Tổ chức và quản lý vận tải	16/03/2010		0303007091	17	-	02 ĐT cấp Trưởng; 09 BB	
15	Nguyễn Thị Thu Hà 01/10/1984	031225385 Việt Nam		TS, VN, 2021	Tổ chức và quản lý vận tải	16/03/2010		0307019175	15	-	12 BB	
16	Nguyễn Thị Minh Phước 20/11/1982	031156437 Việt Nam		TS, Úc, 2017	Quản trị Kinh doanh	16/03/2010		3109000458	16	-	07 BB	
17	Bùi Thị Thanh Nhàn 02/09/1979	031179000649 Việt Nam		TS, VN, 2022	Kinh tế và Quản trị kinh doanh	01/03/2015		0303015801	22	-	14 BB	
18	Nguyễn Thị Thu Thủy 11/07/1986	031465728 Việt Nam		TS, VN, 2019	Quản lý kinh tế	01/01/2012		3111028052	12	01 sách	02 ĐT cấp Trưởng; 16 BB	
19	Nguyễn Thị Hạnh 23/11/1982	031071757 Việt Nam		TS, VN, 2020	Quản trị kinh doanh	01/04/2007		0306027453	12	-	18 BB	
20	Đặng Huy Du 03/02/1980	034080002058 Việt Nam		TS, VN, 2022	Kinh tế		27/09/2022	0304025403	2	01 sách	01 BB	
21	Nguyễn Thị Xuân 11/02/1968	031168003510 Việt Nam		TS, VN, 2012	Triết học	01/07/1997		0306005432	10	-	04 ĐT cấp Trưởng; 09 BB	

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
22	Phạm Văn Hùng 26/07/1981	031190990 Việt Nam		TS, VN, 2017	Triết học	01/06/2005		0306002545	6	-	01 ĐT cấp Trưởng; 11 BB	
23	Giang Thị Xuyên 01/06/1959	034159004236; Việt Nam	PGS, 2011	TS; Việt Nam; 2003	Kinh tế		06/12/2022	0198043229	19	01 ĐT cấp Bộ; 05 sách CK	19 ĐT cấp CS; 11 GT; 35 BB	

TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ

TRƯỞNG KHOA KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

TS. Vũ Đức Văn

PGS.TS. Nguyễn Thái Sơn

Bảng 4.3. Danh sách giảng viên thỉnh giảng của ngành đào tạo

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Nguyễn Hoài Nam 16/11/1975	030939670 Việt Nam	PGS, 2018	TS, Việt Nam, 2010	Kinh tế		17/8/2023	8200000498	18	-	01 GT cao học; 02 bài ki yếu HT	
2	Phạm Văn Cường 01/05/1958	034058000366 Việt Nam	PGS, 2002	TS, LB Nga, 1992	Kinh tế vận tải biển		28/9/2023	0397017416	29	-	02 GT sau đại học	
3	Đào Văn Hiệp 13/07/1957	031037710 Việt Nam	PGS 2012	TS; Việt Nam; 2002	Kinh tế		28/9/2023	0397059083	30	-	-	

TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ**TS. Vũ Đức Văn****TRƯỞNG KHOA KẾ TOÁN TÀI CHÍNH****PGS.TS. Nguyễn Thái Sơn**

Bảng 4.4. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo

TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Nguyễn Thái Sơn	- Tài chính doanh nghiệp nâng cao (2) - Pháp luật kinh tế (1) - Công nghệ mới trong tài chính - kế toán (2) - Phân tích tài chính (1)	- HK1 - HK2 - HK2 - HK3	2 2		2 2		Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
2	Lương Khánh Chi	- Lý thuyết kế toán (2) - Chuẩn mực kế toán công (2) - Kế toán tài chính nâng cao (1) - Kế toán công (1) - Kế toán quốc tế (2)	- HK1 - HK2 - HK2 - HK3 - HK3	2 2		2 2		Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
3	Hoàng Thị Ngà	- Lý thuyết kế toán (1) - Kế toán quản trị nâng cao (2) - Hệ thống thông tin kế toán nâng cao (1) - Báo cáo tài chính hợp nhất (2) - Kế toán ngân hàng nâng cao (1)	- HK1 - HK2 - HK3 - HK3 - HK3	2 2 2		2		Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
4	Đào Minh Hằng	- Kiểm soát nội bộ và quản trị công ty (2) - Kiểm toán tài chính nâng cao (1) - Kiểm soát và kiểm toán nội bộ khu vực công (1) - Kiểm toán hoạt động nâng cao (2) - Kế toán ngân hàng nâng cao (2)	- HK2 - HK2 - HK3 - HK3 - HK3	2		2 2 2		Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo

TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
5	Phạm Anh Tuấn	- Kiểm soát nội bộ và quản trị công ty (1) - Kiểm toán tài chính nâng cao (2) - Kiểm soát và kiểm toán nội bộ khu vực công (2) - Kiểm toán hoạt động nâng cao (1) - Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (2)	- HK2 - HK2 - HK3 - HK3 - HK3	2		2 2 2		Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
6	Nguyễn Thị My	- Kế toán tài chính nâng cao (2) - Kế toán quản trị nâng cao (1) - Hệ thống thông tin kế toán nâng cao (2) - Kế toán thuế nâng cao (1)	- HK2 - HK2 - HK3 - HK3	2 2 2		2		Giảng viên cơ hữu giảng dạy, hướng dẫn đề án
7	Nguyễn Thị Tuyết Mai	- Thống kê và phân tích kinh tế (1) - Quản trị kinh doanh hiện đại (2) - Đầu tư tài chính (1) - Báo cáo tài chính hợp nhất (2) - Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế (2)	- HK1 - HK1 - HK3 - HK3	2 2		2		Giảng viên cơ hữu giảng dạy, hướng dẫn đề án
8	Bùi Bá Khiêm	- Công nghệ mới trong tài chính - kế toán (1)	- HK2			2		Giảng viên cơ hữu giảng dạy, hướng dẫn đề án
9	Nguyễn Thị Thanh Nhân	- Tài chính doanh nghiệp nâng cao (1) - Phân tích tài chính (2)	- HK1 - HK3	2 2				Giảng viên cơ hữu giảng dạy, hướng dẫn đề án
10	Nguyễn Văn Quyền	- Hệ thống thông tin quản lý (1) - Phân tích dữ liệu trong kinh doanh (2)	- HK2 - HK3			2 2		Giảng viên cơ hữu giảng dạy
11	Đỗ Minh Thụy	- Quản trị chiến lược (1) - Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh (2)	- HK2 - HK3			2 2		Giảng viên cơ hữu giảng dạy, hướng dẫn đề án

TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
12	Bùi Thị Minh Tiệp	- Thuế và quản lý thuế (2) - Kinh tế số và thương mại điện tử (1)	- HK2 - HK2			2 2		Giảng viên cơ hữu giảng dạy, hướng dẫn đề án
13	Cao Thị Vân Anh	- Quản trị chiến lược (2) - Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh (1)	- HK2 - HK3			2 2		Giảng viên cơ hữu giảng dạy, hướng dẫn đề án
14	Nguyễn Thị Thúy Hà	- Thuế và quản lý thuế (1) - Kinh tế số và thương mại điện tử (2) - Kế toán công (2)	- HK2 - HK2 - HK3			2 2		Giảng viên cơ hữu giảng dạy, hướng dẫn đề án
15	Nguyễn Thị Thu Hà	- Pháp luật kinh tế (2) - Thị trường và các định chế tài chính (2)	- HK2 - HK2			2 2		Giảng viên cơ hữu giảng dạy
16	Nguyễn Thị Minh Phước	- Tư duy và đạo đức kế toán (2)	- HK2			2		Giảng viên cơ hữu giảng dạy
17	Bùi Thị Thanh Nhân	- Quản trị nhân lực (2) - Quản trị rủi ro và thay đổi (1)	- HK3 - HK3			2 2		Giảng viên cơ hữu giảng dạy
18	Nguyễn Thị Thu Thủy	- Quản trị nhân lực (1) - Quản trị rủi ro và thay đổi (2)	- HK3 - HK3			2 2		Giảng viên cơ hữu giảng dạy, hướng dẫn luận văn
19	Nguyễn Thị Hạnh	- Thống kê và phân tích kinh tế (2) - Quản trị kinh doanh hiện đại (1)	- HK1 - HK1	2 2				Giảng viên cơ hữu giảng dạy, hướng dẫn luận văn
20	Đặng Huy Du	- Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (1) - Đầu tư tài chính (2)	- HK3 - HK3			2 2		Giảng viên cơ hữu giảng dạy
21	Nguyễn Thị Xuân	- Triết học (1)	- HK1	2				Giảng viên cơ hữu giảng dạy

TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
22	Phạm Văn Hùng	- Triết học (2)	- HK1	2				Giảng viên cơ hữu giảng dạy
23	Giang Thị Xuyên	- Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo (1) - Báo cáo tài chính hợp nhất (1) - Kế toán thuế nâng cao (2) - Kế toán quốc tế (1)	- HK1 - HK3 - HK3 - HK3	2		2 2		Giảng viên cơ hữu giảng dạy
24	Nguyễn Hoài Nam	- Hệ thống thông tin quản lý (2) - Phân tích dữ liệu trong kinh doanh (1)	- HK2 - HK3			2 2		Giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy
25	Phạm Văn Cường	- Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế (1)	- HK1	2				Giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy
26	Đào Văn Hiệp	- Thị trường và các định chế tài chính (1)	- HK2			2		Giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy

TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ

TS. Vũ Đức Văn

TRƯỞNG KHOA KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

PGS. TS. Nguyễn Thái Sơn

4.2. Phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học

Trong công tác phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học, Trường Đại học Hải Phòng xác định đến năm 2030, 100% giảng viên đạt chuẩn trình độ thạc sĩ trở lên, trong đó có 45 - 50% giảng viên có trình độ tiến sĩ, 07 - 09% giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cao cấp. Để đạt được chỉ tiêu trên, Nhà trường tập trung xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học đủ về số lượng, mạnh về chất lượng, hợp lý về cơ cấu, có trọng tâm, trọng điểm:

- Đủ về số lượng: Trường đảm bảo đội ngũ giảng viên cơ hữu, nghiên cứu viên cơ hữu, giảng viên thỉnh giảng và cán bộ khoa học đáp ứng các tiêu chuẩn của từng vị trí công tác theo quy định. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên đạt khoảng 20/1; giảng viên cơ hữu/thỉnh giảng khoảng 5/1 (20% giảng viên thỉnh giảng); số lượng giảng viên/chuyên viên đạt tỉ lệ khoảng 4/1.

- Mạnh về chất lượng: Chất lượng đội ngũ giảng viên và cán bộ khoa học được đánh giá trên các mặt: trình độ chuyên môn, phẩm chất, năng lực và hiệu quả công việc. Về trình độ chuyên môn, số giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt ít nhất 45%/ tổng số giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu; trung bình mỗi năm có thêm từ 01-02 Phó Giáo sư.

- Hợp lý về cơ cấu: Tính hợp lý về cơ cấu biểu hiện ở tỷ lệ hợp lý trong cơ cấu độ tuổi, cơ cấu giới, cơ cấu trình độ, cơ cấu chuyên môn.

- Có trọng tâm, trọng điểm: Trọng tâm, trọng điểm trong công tác xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên và cán bộ khoa học của Trường Đại học Hải Phòng là chất lượng và cơ cấu đội ngũ.

- + Về chất lượng đội ngũ cần tập trung vào tăng tỷ lệ tiến sĩ, phó giáo sư, giáo sư thông qua 3 hình thức: đào tạo, thu hút tuyển dụng và mời thỉnh giảng. Các giảng viên phải có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm, phải có trải nghiệm thực tiễn, có kế hoạch học tập nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học; Xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành trong các lĩnh vực: công nghệ thông tin, cơ khí, điện, điện tử, dịch vụ vận tải, logistic, kế toán doanh nghiệp, quản trị du lịch; Chú trọng nâng cao đạo đức nghề nghiệp, tác phong và tư cách của đội ngũ nhà giáo để làm gương cho học sinh, sinh viên.

- + Về cơ cấu đội ngũ cần tập trung vào tăng tỷ lệ giảng viên khối công nghệ, kinh tế, kỹ thuật, giảm tỷ lệ giảng viên khối sư phạm, khoa học cơ bản và các phòng, ban, trung tâm.

Nói riêng về khoa Kế toán - Tài chính, hiện Khoa đang có 03 PGS-GVCC; 04 TS-GVC; 01 TS-GV. Theo kế hoạch, đến năm 2025, Khoa sẽ có thêm 02 GV bảo vệ luận án tiến sĩ. Lộ trình đến năm 2030, Khoa sẽ có thêm 01 PGS và số lượng tiến sĩ, NCS sẽ đạt 40 - 45% tổng số GV toàn khoa.

5. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

5.1. Đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên

Cho đến năm 2023, cán bộ, giảng viên của Trường Đại học Hải Phòng đã thực hiện được 23 đề tài nghiên cứu khoa học các cấp liên quan đến lĩnh vực đào tạo, cụ thể như Bảng 5.1.

Bảng 5.1. Các đề tài nghiên cứu khoa học của Trường, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo do Trường thực hiện

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HDKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
1	98/QĐ-QLKH, 14/3/2014	Trường	Giáo trình Phân tích tài chính doanh nghiệp	Vũ Thế Bình Đỗ Minh Thụy Hoàng Thị Ngà (<i>đồng chủ biên</i>)	303/QĐ-ĐHHP, 16/6/2016	21/6/2016	Khá	Hoàng Thị Ngà (<i>Lý thuyết kế toán; Tư duy và đạo đức kế toán; Kế toán quản trị nâng cao; Hệ thống thông tin kế toán nâng cao; Kế toán ngân hàng nâng cao</i>) Đỗ Minh Thụy (<i>Quản trị chiến lược; Giao tiếp và đàm phán trong KD</i>)	
2	09/QĐ-QLK, 16/01/2015	Trường	Hướng dẫn thành lập, tổ chức hoạt động và quản lý tài chính hợp tác xã nhằm phát triển kinh tế bền vững cho nhóm tự lực những người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS tại Hải Phòng	Hoàng Thị Ngà	338/QĐ-ĐHHP, 22/6/2016	28/6/2016	Khá	Hoàng Thị Ngà (<i>Lý thuyết kế toán; Tư duy và đạo đức kế toán; Kế toán quản trị nâng cao; Hệ thống thông tin kế toán nâng cao; Kế toán ngân hàng nâng cao</i>)	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HDKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
3	254/QĐ-SKHCN, 24/8/2018, 808/HĐ-ĐT.XH.2018	Thành phố	Nghiên cứu đề xuất giải pháp quản lý kinh tế phi chính thức trên địa bàn Hải Phòng	Nguyễn Thái Sơn	55/QĐ-SKHCN, 12/6/2020	2020	Đạt	Lương Khánh Chi Hoàng Thị Ngà Nguyễn Thị Tuyết Mai (<i>Lý thuyết kế toán; Chuẩn mực kế toán công; Kế toán tài chính nâng cao; Kế toán quốc tế; Kế toán công; Thống kê và phân tích kinh tế; Quản trị kinh doanh hiện đại; Báo cáo tài chính hợp nhất; Đầu tư tài chính</i>)	
4	ĐT.KT.2013.06	Cơ sở	Vận đơn đường biển điện tử và khả năng áp dụng trong giao dịch, vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu tại VN	Nguyễn Thái Sơn	04/QĐ-QLKH, 15/8/2014	2014	Tốt	Nguyễn Thái Sơn (<i>Tài chính doanh nghiệp nâng cao; Pháp luật kinh tế; Công nghệ mới trong tài chính - kế toán; Phân tích tài chính</i>)	
5	27/QĐ-QLKH, 10/3/2014, ĐT.KT.2014.25	Cơ sở	Biện pháp thu hút đầu tư vào Khu Kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, HP	Nguyễn Thái Sơn	361/QĐ-ĐHHP, 20/8/2015	2015	Tốt	Nguyễn Thái Sơn (<i>Tài chính doanh nghiệp nâng cao; Pháp luật kinh tế; Công nghệ mới trong tài chính - kế toán; Phân tích tài chính</i>)	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HDKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
6	09/QĐ-QLKH, 16/01/2015, ĐT.KT.2015.111	Cơ sở	Phát triển kinh doanh biên mậu qua cửa khẩu cảng Hải Phòng	Nguyễn Thái Sơn	121/QĐ-ĐHHP, 16/3/2016	2016	Tốt	Nguyễn Thái Sơn (<i>Tài chính doanh nghiệp nâng cao; Pháp luật kinh tế; Công nghệ mới trong tài chính - kế toán; Phân tích tài chính</i>)	
7	412/QĐ-ĐHHP, 26/01/2022, GT.KT.2022.02	Trường	Giáo trình Nguyên lý kế toán	Hoàng Thị Nga	4960/QĐ-ĐHHP, 27/12/2022	20/02/2023	Tốt	Trần Thị Vân Nguyễn Thị Tuyết Minh Nguyễn Lan Anh Đông Thị Thu Huyền Ngô Thị Mỹ Mạnh	
8	09/QĐ-QLKH, 16/01/2015, ĐT.KT.2015.111	Trường	Hoàn thiện kế toán CP trong các doanh nghiệp sản xuất xi măng thuộc Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam	Lương Khánh Chi	269/QĐ-ĐHHP, 02/6/2016	2016	Tốt	Lương Khánh Chi (<i>Lý thuyết kế toán; Chuẩn mực kế toán công; Kế toán tài chính nâng cao; Kế toán quốc tế; Kế toán công</i>)	
9	66/QĐ-QLKH& ĐTSĐH ngày 16/11/2010	Thành phố	Thực trạng và giải pháp phát triển văn hóa	Đào Văn Hiệp	08/QĐ-SKHCN, Ngày 09/01/2012	10/01/2012	Tốt	Đào Minh Hằng (<i>Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo; Kiểm soát nội bộ và quản trị công ty; Kiểm soát</i>)	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HDKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
			doanh nghiệp trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Hải Phòng”					<i>và kiểm toán nội bộ khu vực công; Kiểm toán hoạt động nâng cao)</i>	
10	ĐT.KT.2016.31	Trường	Quy trình kiểm toán hàng tồn kho trong kiểm toán báo cáo tài chính của các công ty kiểm toán độc lập quy mô vừa và nhỏ thực hiện tại các doanh nghiệp sản xuất thép ở Việt Nam	Đào Minh Hằng	693a/QĐ-ĐHHP ngày 15/12/2016	22/12/2016	Xuất sắc	Đào Minh Hằng <i>(Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo; Kiểm soát nội bộ và quản trị công ty; Kiểm soát và kiểm toán nội bộ khu vực công; Kiểm toán hoạt động nâng cao)</i>	
11	2066-2014/CXB/13-1540/GD, mã	Trường	Giáo trình: Giao dịch thương mại	Nguyễn Thái Sơn	38/QĐ-QL/KH, 16/5/2014	23/5/2014	Giỏi	Nguyễn Thái Sơn <i>(Tài chính doanh nghiệp nâng cao; Pháp luật kinh tế; Công</i>	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HDKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
	số 7L300Y4-DAI, ISBN: 978-604-0-06670-1		quốc tế					<i>nghệ mới trong tài chính - kế toán; Phân tích tài chính)</i>	
12	14/QĐXB-NXBHH. 29/6/2020, ISBN: 978-604-937-242-1		Sách chuyên khảo: Kinh tế phi chính thức trên địa bàn HP	Nguyễn Thái Sơn		2020	-	Lương Khánh Chi Nguyễn Thị Tuyết Mai Hoàng Thị Ngà và các thành viên khác	
13	68/QĐ-QLKH 06/12/2012	Trưởng	Giải pháp quản lý vốn nhà nước tại Công ty TNHH một thành viên đóng tàu Phà Rừng	Nguyễn Thị My	82/QĐ-QLKH 20/12/2013	2013	Tốt	Nguyễn Thị My (<i>Chuẩn mực kế toán công; Kế toán tài chính nâng cao; Kế toán quản trị nâng cao; Hệ thống thông tin kế toán nâng cao</i>)	
14	683/QĐ-ĐHHP 06/12/2016	Trưởng	Giáo trình: Kế toán tài chính doanh nghiệp 1	Nguyễn Thị My	694/QĐ-ĐHHP 12/12/2017	2017	Tốt	Nguyễn Lan Anh, Trần Thị Vân	
15	09/QĐ-QLKH 16/01/2005	Trưởng	Biện pháp phát triển vận tải thủy nội địa khu vực miền Bắc	Nguyễn Thị Tuyết Mai - chủ nhiệm	285/QĐ-ĐHHP 08/06/2016	2016	Tốt	Nguyễn T Tuyết Mai (<i>Báo cáo tài chính hợp nhất; Đầu tư tài chính; Thống kê và phân tích kinh tế; Quản trị kinh doanh hiện đại</i>)	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HDKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
16		Nhà nước	Hợp tác kinh tế toàn diện giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á – Âu trong bối cảnh mới	PGS.TS Đỗ Hương Lan	973/QĐ-BKHCN 27/4/2021	2021	Xuất sắc	Nguyễn Thị Tuyết Mai (<i>Báo cáo tài chính hợp nhất; Đầu tư tài chính; Thống kê và phân tích kinh tế; Quản trị kinh doanh hiện đại</i>)	
17	Mã số: ĐT.KT.2021.04	Trường	Trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Hải Phòng	Nguyễn Thị Thu Thủy	2809/QĐ-ĐHHP, ngày 08/10/2020	21/10/2020	Tốt	Nguyễn Thị Thu Thủy (<i>Quản trị nhân lực; Quản trị rủi ro và thay đổi</i>)	
18	Mã số: ĐT.KT.2022.18	Trường	Các thương mại tự do trên thế giới - điều kiện để hình thành và phát triển ở Việt Nam	Đỗ Minh Thủy	1457/QĐ-ĐHHP, ngày 06/04/2023	-	Đạt	Nguyễn Thị Thu Thủy (<i>Quản trị nhân lực; Quản trị rủi ro và thay đổi</i>)	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HDKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
19	Mã số: GT.KT.2016.2 2	Trường	Giáo trình: Khởi sự kinh doanh	Đỗ Minh Thụy, Vũ Thế Bình, Cao Thị Vân Anh	342/QĐ-ĐHHP, ngày 22/6/2016	27/06/2016	Đạt	Đỗ Minh Thụy (<i>Quản trị chiến lược; Giao tiếp và đàm phán trong KD</i>)	
20	Mã số: ĐT.KT.2018.2 9	Trường	Nghiên cứu tính đa dạng của hội đồng quản trị ảnh hưởng đến kết quả tài chính của các công ty niêm yết sở hữu gia đình ở VN	Cao Thị Vân Anh	603/QĐ-ĐHHP, ngày 29/11/2018	04/12/2018	Tốt	Cao Thị Vân Anh (<i>Quản trị chiến lược; Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh</i>)	
21	Mã số: ĐT.KT.2015.55	Trường	Một số biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh tại công ty cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện VICADI	Cao Thị Vân Anh	309/QĐ-ĐHHP, ngày 16/06/2016	20/06/2016	Tốt	Cao Thị Vân Anh (<i>Quản trị chiến lược; Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh</i>)	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HDKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
22	QĐ số 182/QĐ-HVTC ngày 28/02/2017	Học viện	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kiểm toán Nhà nước	Giang Thị Xuyên; Phí Thị Kiều Anh	1058/QĐ-HVTC	13/3/2018	Xuất sắc	Giang Thị Xuyên (Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo; Báo cáo tài chính hợp nhất; Kế toán thuế nâng cao)	
23	356/QĐ-HVTC ngày 15/4/2015	Học viện	Hoàn thiện tổ chức công tác kiểm toán doanh nghiệp Nhà nước do kiểm toán Nhà nước Việt Nam thực hiện	Giang Thị Xuyên; Ngô Như Vinh	79/QĐ-HVTC ngày 18/01/2016	10/3/2016	Đạt	Giang Thị Xuyên (Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo; Báo cáo tài chính hợp nhất; Kế toán thuế nâng cao)	

TRƯỞNG PHÒNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

TRƯỞNG KHOA KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

PGS.TS. Bùi Bá Khiêm

PGS.TS. Nguyễn Thái Sơn

5.2. Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu

Bảng 5.2. Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu (trong vòng 5 năm)

TT	Công trình khoa học	Ghi chú
1	Nguyễn Thái Sơn (2017), 'Phát triển dịch vụ Logistic hỗ trợ hoạt động xuất khẩu nông sản qua các tỉnh biên giới phía Bắc', <i>Tạp chí Khoa học trường Đại học Hải Phòng</i> , số 22 (T5/2017), ISSN 1859 - 2368, 4 – 11.	
2	Nguyễn Thái Sơn, Phạm Thị Minh Thu (2018), 'Xuất nhập khẩu của thành phố Hải Phòng: Thực trạng và giải pháp phát triển', <i>Tạp chí Khoa học trường Đại học Hải Phòng</i> , số 28 (05/2018), ISSN 1859 - 2368, 3 - 14.	
3	Nguyễn Tuyết Mai, Nguyễn Thái Sơn (2018), 'Nâng cao năng lực cạnh tranh và thu hút FDI vào Bắc Giang qua phát triển logistics', <i>Tạp chí Khoa học trường Đại học Hải Phòng</i> , số 30 (T9/2018), ISSN 1859 - 2368, 18 – 28.	
4	Nguyễn Thái Sơn, Hoàng Thị Thúy Phương (2018), 'Chất lượng nguồn nhân lực ngành đóng tàu- nghiên cứu từ các doanh nghiệp điển hình tại Hải Phòng', <i>Tạp chí Khoa học Thương mại</i> , số 123 (11/2018), ISSN 1859 - 3666, 34 – 45.	
5	Nguyễn Thái Sơn (2019), 'Giải pháp phát triển xuất khẩu của thành phố Hải Phòng trong giai đoạn đẩy mạnh hội nhập quốc tế', <i>Tạp chí Khoa học trường Đại học Hải Phòng</i> , ISSN 1859 - 2368, số 32 (T1/2019), 12 – 25.	
6	Nguyễn Thái Sơn (2019), 'Online video marketing strategy of FMCG brand in Vietnam – a case of Vinamilk', <i>Tạp chí Khoa học trường Đại học Hải Phòng</i> , ISSN 1859 - 2368, số 36 (T9/2019), 1 – 12.	
7	Nguyễn Thái Sơn, Hoàng Thị Nga (2020), 'Loại hình, lĩnh vực hoạt động của kinh tế phi chính thức tại Hải Phòng và giải pháp quản lý, hỗ trợ', <i>Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế</i> , ISSN 0866-7489, Số 10 (509), T10/2020, 61 – 70.	
8	Nguyễn Thái Sơn, Nguyễn Thị Phương Linh (2021), 'Kinh tế hợp tác xã tại Hải Phòng: Thực trạng và giải pháp hỗ trợ', <i>Tạp chí Khoa học trường Đại học Hải Phòng</i> , ISSN 1859 - 2368, số 46 (T5/2021), 44 – 53.	
9	Nguyễn Thái Sơn, Phan Thị Nghĩa Bình (2022), 'Các nhân tố ảnh hưởng tới hiệu quả kinh doanh tại các cơ sở kinh doanh phi chính thức tại Hải Phòng', <i>Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế</i> , ISSN 0866-7489, số 2 (525), T2/2022, 67 – 75.	
10	Nguyễn Thái Sơn, Phạm Thị Thu Hương (2021), 'Đóng góp của kinh tế phi chính thức đối với phát triển kinh tế Hải Phòng', <i>Tạp chí Khoa học trường Đại học Hải Phòng</i> , ISSN 1859 - 2368, số 48 (T9/2021), 3 – 12.	
11	Nguyen Thai Son, Hoang Thi Nga (2021), 'Informal Economy in Hai Phong City: Performance and Policy Recommendations', <i>Vietnam's Socio-Economic Development</i> , ISSN 0868- 359X, Vol. 26, 10/2021, 18 – 20.	
12	Nguyen Thai Son (2021), 'Informal Economy In Vietnam – Case study of Haiphong', <i>Oikonomos: Journal of Social Market Economy</i> , 1(19), 2021, Belarus, ISSN: 2351-6178, 27 – 39.	
13	Nguyễn Thị Mỹ (2020), 'Xây dựng chiết khấu thanh toán và thực hiện kế toán chiết khấu thanh toán trong doanh nghiệp', <i>Tạp chí khoa học Trường Đại học Hải Phòng</i> , Số 42 (T9/2020), 14 – 19.	
14	Lương Khánh Chi, Nguyễn Thị Mỹ (2019), 'Đổi mới chương trình đào tạo ngành Kế toán theo chiến lược phát triển ngành trọng điểm của trường Đại học Hải Phòng', <i>Tạp chí khoa học Đại học Hải Phòng</i> , ISSN 1859 - 2368, số 37(11/2019), 125 – 135.	

TT	Công trình khoa học	Ghi chú
15	Lương Khánh Chi (2021), 'Vận dụng kế toán trách nhiệm trong các trường đại học công lập ở Việt Nam trong điều kiện tự chủ', <i>Tạp chí khoa học trường Đại học Hải Phòng</i> , ISSN 1859 - 2368, số 46 (05/2021), 25 – 32.	
16	Lương Khánh Chi (2022), 'Kế toán quản trị CPMT với việc đánh giá trách nhiệm quản lý trong các doanh nghiệp sản xuất', <i>Tạp chí khoa học Đại học Hải Phòng</i> , số 52 (05/2022), 3 – 9.	
17	Nguyễn Thị Tuyết Mai (2020), 'Nhận diện kinh tế phi chính thức tại Việt Nam', <i>Tạp chí khoa học trường đại học Hải Phòng</i> , ISSN 1859 - 2368, số 1 (01/2020), 18 – 25.	
18	Nguyễn Thị Tuyết Mai (2021), 'Lao động phi chính thức ở Hải Phòng và một số hàm ý đối với công tác quản lý', <i>Tạp chí khoa học trường Đại học Hải Phòng</i> , ISSN 1859 - 2368, số 46 (05/2021), 44 – 53.	
19	Hoàng Thị Ngà (2017), 'Đánh giá hiệu quả hoạt động của công ty thông qua ROE và ROA trên quan điểm của nhà đầu tư', <i>Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán</i> , số 01 (162)- 01/2017, 56 – 62.	
20	Hoàng Thị Ngà (2017), 'Nâng cao hiệu quả của công nghiệp đóng tàu quân sự Việt Nam', <i>Tạp chí Công thương</i> , chuyên đề Kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ, số 07 - 06/2017, 173 – 177.	
21	Nguyễn Ngọc Quang, Hoàng Thị Ngà (2018), 'Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp đóng tàu tại Việt Nam', <i>Tạp chí Tài chính – Quản trị kinh doanh</i> , số 9 - tháng 3/2018, 60 – 66.	
22	Hoàng Thị Ngà (2018), 'Đặc tính ngành và đặc điểm hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp đóng tàu tại Hải Phòng', <i>Tạp chí Khoa học trường Đại học Hải Phòng</i> , số 28 (05/2018), 25 – 35.	
23	Hoàng Thị Ngà và cộng sự (2022), 'Các loại hình thanh toán điện tử ở Việt Nam – Nghiên cứu điển hình tại Hải Phòng', <i>Tạp chí Khoa học</i> , số 50 (01/2022), ISSN 1859-2368, 21 – 31.	
24	Đào Minh Hằng (2018), 'Đổi mới đào tạo kế toán, kiểm toán ở các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn thành phố Hải Phòng nhằm đáp ứng yêu cầu của người sử dụng lao động', <i>Tạp chí Khoa học trường Đại học Hải Phòng</i> , ISSN 1859-2368, số 26 (01/2018), 18 – 31.	
25	Đào Minh Hằng (2019), 'Vận dụng chuẩn mực kế toán, kiểm toán khi xem xét các khoản nợ tiềm tàng và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán trong kiểm toán báo cáo tài chính', <i>Tạp chí khoa học Đại học Hải Phòng</i> , số 32 (01/2019), ISSN 1859-2368, 38 – 48.	
26	Đào Minh Hằng (2019), 'Nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực chuyên ngành Kế toán- Kiểm toán tại trường Đại học Hải Phòng', <i>Tạp chí khoa học trường Đại học Hải Phòng</i> , số 37 (11/2019), ISSN 1859-2368, 105 – 114.	
27	Đào Minh Hằng (2020), 'Tiếp cận kiểm toán hàng tồn kho của doanh nghiệp sản xuất dựa trên rủi ro trong kiểm toán báo cáo tài chính do các công ty kiểm toán độc lập Việt Nam thực hiện', <i>Tạp chí khoa học trường Đại học Hải Phòng</i> , số 1 (01/2020, ISSN 1859-2368, 3 – 17.	
28	Đào Minh Hằng (2021), 'Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp kiểm toán Việt Nam trong xu hướng toàn cầu của	

TT	Công trình khoa học	Ghi chú
	ngành kiểm toán', <i>Tạp chí khoa học Trường Đại học Hải Phòng</i> , số 44 (01/2021), ISSN 1859-2368, 3 – 19.	
29	Đào Minh Hằng (2022), 'Kiểm toán nhà nước với vấn đề gian lận chuyển giá tại các doanh nghiệp FDI ở Việt Nam', <i>Tạp chí khoa học Trường Đại học Hải Phòng</i> , số 50 (01/2022), ISSN 1859-2368, 7 – 20.	
30	Đào Minh Hằng, 'Ứng dụng Caatts, Blockchain và phân tích dữ liệu lớn trong kiểm toán', <i>Tạp chí khoa học Trường Đại học Hải Phòng</i> , số 56 (01/2023), ISSN 1859-2368, 22 – 34.	
31	Phạm Anh Tuấn (2021), 'Nghiên cứu vận dụng chuẩn mực kế toán quốc tế IAS 36 “Tồn thất tài sản” đối với tài sản cố định tại Pháp và bài học kinh nghiệm cho kế toán Việt Nam', <i>Tạp chí khoa học trường Đại học Hải Phòng</i> , ISSN: 1859-2368, số 46 (05/2021), 127 – 140.	
32	Bùi Bá Khiêm (2020), 'Covid-19: Liều thuốc thúc đẩy Logistics Việt Nam', <i>Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: Tác động của Đại dịch Covid-19 tới thương mại và đầu tư ở Việt Nam</i> ; ISBN: 978-604-946-954-1, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 683 – 690.	
33	Nguyễn Thị Thanh Nhân, Bùi Bá Khiêm (2021), 'Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với phát triển kinh tế nhanh, đột phá của thành phố Hải Phòng', <i>Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: FDI toàn cầu và ứng biến của doanh nghiệp FDI tại Việt Nam trong bối cảnh mới</i> ; ISBN: 978-604-341-272-7, NXB Thanh niên, 469 – 476.	
34	Bùi Bá Khiêm, Đặng Thị Nguyệt An (2023), '10 chiến lược marketing trực tuyến hiệu quả cho khách sạn', <i>Tạp chí Khoa học Trường Đại học Hải Phòng – ISSN: 1859-2368, số 58 05/2023, 4 – 16.</i>	
35	Nguyễn Quốc Anh, Nguyễn Thị Thanh Nhân (2023), 'Hiệu ứng của tự do hóa tài chính đối với tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam', <i>Tạp chí Kinh tế & Phát triển</i> , số 310, tháng 4/2023, 13 – 22.	
36	Hoang Huy Ngo, Cat Ho Nguyen, Van Quyen Nguyen, 'Multichannel image contrast enhancement based on linguistic rule - based intensificators', <i>Soft Computing Journal</i> , No 76., 744-762.	
37	Nguyễn Văn Quyên, Ngô Hoàng Huy, Nguyễn Văn Đoàn, Phạm Thị Kim Dung (2020), 'Về một hệ luật ngôn ngữ xây dựng toán tử Hint và áp dụng trong nâng cao độ tương phản ảnh màu', <i>Tạp chí Nghiên cứu khoa học và công nghệ quân sự</i> , số 68, 8 - 2020, ISSN 1859 - 1043, 160-170.	
38	Hoàng Văn Quý, Ngô Hoàng Huy, Nguyễn Thế Cường, Nguyễn Tu Trung, Nguyễn Văn Quyên (2020), 'Một cải tiến thuật toán FCM để phân cụm dữ liệu lớn và ứng dụng cho truy vấn ảnh', <i>Tạp chí Nghiên cứu khoa học và công nghệ quân sự</i> , Số 69, 10 - 2020, 182 – 188.	
39	Nguyễn Thị Thu Thủy (2020), 'Một số vấn đề về trách nhiệm xã hội đối với người lao động tại các doanh nghiệp FDI tại Hải Phòng', <i>Tạp chí Khoa học trường Đại học Hải Phòng</i> , số 42 (09/2020), ISSN: 1859-2368, 20 – 29.	
40	Nguyễn Thị Minh Phước (2019), 'Đánh giá thực hiện công việc của loại hình doanh nghiệp: Quan điểm dựa vào nguồn lực', <i>Tạp chí Công Thương</i> , số 5 - tháng 4/2019, 190 – 197.	

TT	Công trình khoa học	Ghi chú
41	Nguyễn Thị Hạnh (2022), 'Nghiên cứu thăm dò về trải nghiệm mua sắm giải trí của khách hàng tại trung tâm thương mại Việt Nam', <i>Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương</i> , số cuối tháng - tháng 5 năm 2022, 44 – 46.	
42	Nguyễn Thị Hạnh (2023), 'Các yếu tố tạo nên sự hấp dẫn của trung tâm thương mại ở Việt Nam', <i>Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương</i> , số cuối tháng - tháng 6 năm 2023, ... – 48.	
43	Nguyễn Thị Hạnh (2021), 'Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trên đại bàn thành phố Hải phòng: Nguy cơ và cơ hội trong đại dịch Covid - 19', <i>Tạp chí Công Thương</i> , số 13 - tháng 6/2021, 140 – 145.	
44	Nguyễn Thị Thu Hà (2022), 'Một số giải pháp phục hồi ngành du lịch Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19', <i>Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương</i> , Số chuyên đề - Tháng 4 năm 2022, 13 – 15.	
45	Nguyễn Thị Thu Hà (2023), 'Phát triển Logistics theo hướng ổn định, xanh và bền vững ở Việt Nam', <i>Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương</i> , Số chuyên đề - Tháng 3 năm 2023, 83 – 85.	
46	Hoàng Chí Cương, Bùi Thị Thanh Nhân (2023), 'Thực trạng và một số giải pháp thu hút khách du lịch quốc tế đến Việt Nam thời kỳ hậu Covid-19', <i>Tạp chí Khoa học Trường Đại học Hải Phòng</i> , số 58 (05/2023), ISSN: 1859-2368, 17 - 31	
47	Bùi Thị Thanh Nhân (2022), 'Tác động của yếu tố văn hóa đến chiến lược tiếp thị hỗn hợp của Starbucks tại Việt Nam', <i>Tạp chí Tài chính</i> , Kỳ 2 - Tháng 6/2022 (779), 176 – 180.	
48	Bùi Thị Thanh Nhân (2020), 'Một số yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng dịch vụ spa của phụ nữ Việt Nam', <i>Tạp chí Tài chính</i> , Kỳ 1 + 2 - Tháng 2/2020 (722+723), 140 – 144.	
49	Cao Thị Vân Anh (2018), 'Tác động của sở hữu gia đình đến kết quả tài chính của các công ty gia đình ở Việt Nam', <i>Tạp chí Công thương</i> , số 12 - tháng 9/2018, 260 – 267.	
50	Cao Thị Vân Anh (2018), 'Mối quan hệ giữa tính đa dạng của hội đồng quản trị và kết quả tài chính trong các công ty gia đình ở Việt Nam', <i>Tạp chí Công thương</i> , số 13 - tháng 10/2018, 364 – 369.	
51	Nguyễn Thị Thanh Nhân, Cao Thị Vân Anh (2023), 'Chuyển đổi số trong quản trị đại học - kinh nghiệm thực tiễn và bài học áp dụng cho trường Đại học Hải Phòng', <i>Tạp chí Khoa học trường Đại học Hải Phòng</i> , số 56 (Tháng 01/2023), 5 – 21.	
Công bố khoa học trên Kỷ yếu Hội thảo		
1	Nguyễn Thái Sơn (2017), 'Tạo thuận lợi thương mại nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh hội nhập kinh tế quốc tế', <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Phát triển kinh tế Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế tập 1</i> , NXB Hà Nội, 303 – 521.	
2	Nguyễn Thái Sơn (2017), 'Xây dựng chính quyền điện tử góp phần hình thành thành phố thông minh, thúc đẩy phát triển kinh tế', <i>Kỷ yếu Hội thảo quốc gia 2017: Xây dựng mô hình thành phố thông minh (Smart Cities) đạt chuẩn các chỉ số thành phố thế giới, mục tiêu an ninh, an sinh, an toàn (thích ứng với điều kiện Việt Nam)</i> , ISBN: 978- 604-946-224-5, Đại học Hải Phòng (T2/2017), NXB Kinh tế quốc dân, 271 – 277.	

TT	Công trình khoa học	Ghi chú
3	Nguyễn Thái Sơn (2018), 'Kinh tế chia sẻ (Sharing Economy) trong CMCN 4.0', <i>Kỷ yếu Hội thảo quốc tế 2018 “Cách mạng công nghiệp 4.0: Cơ hội và thách thức đối với phát triển kinh tế Việt Nam”</i> , ISBN: 978-604- 55-3231-7, ĐH Thương mại (T8/2018), NXB Hà Nội, 183 – 195.	
4	Nguyễn Thái Sơn (2018), 'Thương mại điện tử và tác động đến thị trường bán lẻ', <i>Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: Thị trường bán lẻ Việt Nam – Triển vọng giai đoạn từ 2020 trở đi”</i> , ISBN: 987- 604-937-166-0, ĐH Ngoại thương, NXB Hàng Hải, 405 – 414.	
5	Nguyễn Thái Sơn (2019), 'Sáng tạo và đạo đức kinh doanh – yếu tố cốt lõi để startup thành công', <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Khởi nghiệp và sáng tạo - Cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp Việt Nam</i> , T9/2019, NXB Hà Nội, 325 – 333.	
6	Nguyễn Thái Sơn (2019), 'Kinh tế phi chính thức: Nhận diện và những vấn đề đặt ra đối với công tác quản lý', <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Phát triển kinh tế tư nhân ở Hải Phòng – Vấn đề lý luận và thực tiễn”</i> , ISBN: 978-604-9876-57-8, Trường ĐH Hải Phòng, T10/2019, NXB Quốc gia Hà Nội, 171 – 182.	
7	Nguyễn Thái Sơn, Nguyễn Thị Tuyết Mai (2019), 'Kinh doanh biên mậu và vai trò đối với thành phố cảng biển', <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia “Thương mại quốc tế - Chính sách và Thực tiễn tại Việt Nam”</i> , ISBN: 978-604-67- 1403-3, Trường ĐH Hải Phòng, T11/2019, NXB Khoa học và kỹ thuật, 445 – 462.	
8	Nguyễn Thái Sơn, Vũ Thị Việt Hà (2019), 'Hoạt động xuất khẩu của khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Phòng', <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Thương mại quốc tế - Chính sách và Thực tiễn tại Việt Nam</i> , ISBN: 978-604-67- 1403-3, Trường ĐH Hải Phòng, T11/2019, NXB Khoa học và kỹ thuật, 403 – 416.	
9	Nguyễn Thái Sơn (2021), 'Labor exporting of Vietnam to Japan, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: Modern mechanism of functioning of trading business and tourist industry: reality and perspectives', <i>Volume of V International Scientific and Practical Conference, Minsk</i> , ISBN: 978-985-564- 339-6 December 3-4, 2021, 12 – 15.	
10	Nguyễn Thái Sơn (2021), 'Solutions for FDI Attraction into Industrial Zones and Economic Zone in Haiphong in the New Context', <i>International Conference Proceedings: “Global FDI and Responses of FDI Enterprises in Vietnam in the New Context”</i> , ISBN 978-604-341-272-7, held by Friedrich Naumann Foundation, Việt NamU, TMU, HPU and HEZA, NXB Thanh niên, 682 – 693.	
11	Nguyễn Thái Sơn (2021), 'Chuyển đổi số doanh nghiệp logistics – Nguyên tắc và quy trình', <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số chuỗi cung ứng và dịch vụ logistics qua cảng biển</i> , ISBN: 978-604-937-277-3, Trường ĐH Hàng hải Việt Nam, Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Hải Phòng, T12/2021, NXB Hàng Hải, 38 – 45.	
12	Nguyễn Thái Sơn, Nguyễn Ngọc Quyên (2022), 'Impacts of Covid - 19 pandemic on textile and garment industry in Vietnam', <i>Kỷ yếu hội thảo quốc tế: Phục hồi và phát triển kinh tế Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid 19</i> , ISBN: 987-604-337-506-0, Trường ĐH Hải Phòng, Trường Đại học Thương mại, Trường Đại học Kinh tế (Đại học Huế) đồng tổ chức, tháng 5/2022, NXB Đại học Huế, 975 – 986.	
13	Nguyễn Thái Sơn, Trần Hải Việt (2022), 'The Motivational Influence of the Covid-19 Pandemic on the Ability to Move to Digital	

TT	Công trình khoa học	Ghi chú
	Transformation of Work in Logistics SMEs in Haiphong', <i>Kỷ yếu hội thảo quốc tế: Phục hồi và phát triển kinh tế Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid 19</i> , ISBN: 987-604-337-506-0, Trường ĐH Hải Phòng, Trường Đại học Thương mại, Trường Đại học Kinh tế (Đại học Huế) đồng tổ chức, tháng 5/2022, NXB Đại học Huế, 1263 – 1272.	
14	Nguyễn Thái Sơn (2022), 'Logistics thông minh và nền tảng xây dựng thành phố cảng thông minh', <i>Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Chuyển đổi số trong Quản lý kinh tế, Kinh doanh và Tài chính - Kế toán</i> , ISBN: 978-604-937- 313-8, T12/2022.	
15	Nguyen Thai Son (2023), 'Challenges in building and developing green international logistics centers in Vietnam', <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam</i> , NXB Hà Nội, ISBN: 978-604-557-851-3, 567 – 583.	
16	Nguyễn Kim Oanh, Nguyễn Thái Sơn (2023), 'Phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố Hải phòng nhằm tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu', <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Giải pháp thúc đẩy các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu</i> , Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thành phố Hải Phòng, 2023, NXB Hàng Hải, ISBN: 978-604-937-323-7, 65 – 70.	
17	Nguyễn Thị Mỹ (2023), 'Promote sustainable foreign direct invest up to 2025 in Hai Phong city', <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam</i> , NXB Hà Nội, 562 – 572.	
18	Nguyễn Thị Mỹ, Đồng Thị Thanh Huyền (2019), 'Định hướng khởi nghiệp tạo tác động xã hội trên địa bàn thành phố Hải Phòng', <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Khởi nghiệp và sáng tạo - Cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp Việt Nam</i> , NXB Hà Nội, ISBN: 978-604-55-4620-8, 160-174.	
19	Nguyễn Thị Mỹ (2022), 'Thực trạng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Hải Phòng giai đoạn chịu ảnh hưởng Covid-19', <i>Kỷ yếu hội thảo quốc tế: Phục hồi và phát triển kinh tế Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid 19</i> , ISBN: 987-604-337-506-0, Trường ĐH Hải Phòng, Trường Đại học Thương mại, Trường Đại học Kinh tế (Đại học Huế) đồng tổ chức, tháng 5/2022, 1127-1134.	
20	Nguyễn Thị Tuyết Mai, 'Phát triển phương tiện thủy nội địa chuyên chở hàng hóa theo hướng bền vững', <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Phát triển kinh tế Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế</i> , NXB Hà Nội, tháng 4/2017, tr 952-965.	
21	Nguyễn Thị Tuyết Mai (2018), 'Cách mạng công nghiệp 4.0 và yêu cầu đặt ra đối với giảng viên đại học', <i>Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Cán bộ trẻ với đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực tiếp cận cách mạng công nghiệp 4.0</i> , NXB Đại học quốc gia Hà Nội, ISBN: 978-604-968-493-7, 676 – 682.	
22	Nguyễn Thị Tuyết Mai (2018), 'Hạn chế gian lận trong kinh doanh tạm nhập tái xuất tại Chi cục hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng khu vực I trong bối cảnh cuộc cách mạng 4.0', <i>Kỷ yếu Hội thảo quốc tế "Cách mạng công nghiệp 4.0: Cơ hội và thách thức đối với phát triển kinh tế Việt Nam"</i> , NXB Hà Nội, ISBN: 978-604-55-3231-7, 711 – 724.	
23	Nguyễn Thị Tuyết Mai (2021), 'Nguyên nhân thất bại của sinh viên khi khởi nghiệp – Một số gợi ý đối với sinh viên có mong muốn khởi nghiệp', <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Khởi nghiệp và sáng tạo - Cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp Việt Nam</i> , NXB Hà Nội, ISBN: 978-604-55-4620-8, 359 – 371.	

TT	Công trình khoa học	Ghi chú
24	Nguyễn Thị Tuyết Mai (2021), 'Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Hải Phòng trước tác động của đại dịch Covid-19 và một số hàm ý chính sách', <i>Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế: FDI toàn cầu và ứng biến của doanh nghiệp FDI tại Việt Nam trong bối cảnh mới</i> , Nhà xuất bản thanh niên, ISBN:978-604-341-272-7, 477 – 485.	
25	Nguyễn Thị Tuyết Mai – Đồng tác giả (2021), 'Sự điều chỉnh chiến lược hướng sang khu vực châu Á – Thái Bình Dương của Liên bang Nga và một số tác động tới Việt Nam', <i>Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế: Hợp tác kinh tế toàn diện giữa Việt Nam và liên minh kinh tế Á-Âu trong bối cảnh mới</i> , Nhà xuất bản Lao động, ISBN:978-604-320-649-8, 32 – 44.	
26	Nguyễn Thị Tuyết Mai (2022), 'Phát triển ngành logistics Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19', <i>Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế: Phục hồi và phát triển kinh tế Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19</i> , Nhà xuất bản Đại học Huế, ISBN:978-604-337-506-0, 1091 – 1098.	
27	Nguyễn Thị Tuyết Mai (2023), 'Logistics xanh tại Việt Nam - Thực trạng và giải pháp', <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam tập 2</i> , NXB Hà Nội, ISBN: 978-604-557-851-3, 627 – 638.	
28	Nguyễn Thị Tuyết Mai (2022), 'Xu hướng chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam', <i>Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia: Chuyển đổi số trong quản lý kinh tế, kinh doanh và tài chính - kế toán</i> , Trường Đại học Hải Phòng, 2022, NXB Hàng Hải, ISBN: 978-604-937-313-8, 628 – 640.	
29	Hoàng Thị Ngà, Trần Đức Thuận (2021), 'Thực trạng và tiềm năng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam trong bối cảnh mới', <i>Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế: FDI toàn cầu và ứng biến của doanh nghiệp FDI tại Việt Nam trong bối cảnh mới</i> , ISBN 978-604-341-272-7, NXB Thanh niên, 260 – 269.	
30	Hoàng Thị Ngà, Phạm Thị Thanh Huyền (2022), 'Chuyển đổi số là động lực để phục hồi và phát triển kinh tế Việt Nam', <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Phục hồi và phát triển kinh tế Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19</i> , ISBN 978-604-337-506-0, NXB Đại học Huế, 1280 – 1285.	
31	Lương Khánh Chi (2017), 'Ảnh hưởng của một số chuẩn mực kế toán quốc tế đến kế toán chi phí, doanh thu trong doanh nghiệp sản xuất', <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế Phát triển kinh tế Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế</i> , ISBN 978-604-55-2337-7, 944-951.	
32	Lương Khánh Chi (2022), 'Chuyển đổi số trong dạy học kế toán ở các trường đại học tại Việt Nam - những tác động, thách thức và cơ hội', <i>Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia: Chuyển đổi số trong quản lý kinh tế, kinh doanh và tài chính - kế toán</i> , Trường Đại học Hải Phòng, 2022, NXB Hàng Hải, ISBN: 978-604-937-313-8, 822 – 831.	
33	Đào Minh Hằng (2017), 'Nhân tố nội tại ảnh hưởng tới năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp kiểm toán vừa và nhỏ ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế', <i>Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế: Phát triển kinh tế Việt Nam trong Tiến trình Hội nhập Quốc tế tập II</i> , NXB Hà Nội, ISBN:978-604-55-2338-4, 557-573.	
34	Đào Minh Hằng (2018), 'Kỹ thuật thu thập bằng chứng trong kiểm toán hàng tồn kho tại các doanh nghiệp sản xuất do các công ty	

TT	Công trình khoa học	Ghi chú
	kiểm toán độc lập ở Việt Nam thực hiện', <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: cách mạng công nghệ 4.0: cơ hội và thách thức đối với phát triển kinh tế Việt Nam</i> , tháng 8- 2018, NXB Hà Nội, ISBN:978-604-55-3230-0, 695 – 714.	
35	Đào Minh Hằng (2019), 'Ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm toán báo cáo tài chính tại các doanh nghiệp kiểm toán độc lập ở Việt Nam', <i>Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế: Khởi nghiệp và sáng tạo, cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp</i> , 09/2019, NXB Hà Nội, ISBN 978-604-55-4620-8, 305 – 321.	
36	Đào Minh Hằng (2021), 'Kiểm toán hoạt động chuyên giá trong các doanh nghiệp FDI hiện nay', <i>Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: FDI toàn cầu và ứng biến của doanh nghiệp tại Việt Nam trong bối cảnh mới</i> , NXB Thanh niên, ISBN 978-604-341-272-7, 752 – 762.	
37	Đào Minh Hằng (2022), 'The impact of Covid-19 on financial statement audit in Vietnam independent auditing firms', <i>Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: Phục hồi và phát triển kinh tế Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid 19</i> , NXB Đại học Huế, ISBN 978-604-337-506-0, 367 – 379.	
38	Phạm Anh Tuấn, Chuẩn mực kế toán quốc tế IAS 36: Tồn thất tài sản - Một số đề xuất áp dụng tại Việt Nam, <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Phát triển kinh tế Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế</i> , 2017, ISBN: 978-604-55-2337-7, Nhà xuất bản Hà Nội, Tr 552-560.	
39	Phạm Anh Tuấn, Một số đề xuất nhằm hoàn thiện kế toán chi phí hoàn nguyên môi trường tại Việt Nam để đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Cách mạng công nghiệp 4.0: cơ hội và thách thức đối với phát triển kinh tế Việt Nam</i> , 2018, ISBN: 978-604-55-3230-0, Nhà xuất bản Hà Nội, Tr 681-694.	
40	Phạm Anh Tuấn, Một số đề xuất nhằm tăng sự tương đồng của chuẩn mực kế toán Việt Nam và quốc tế trong ghi nhận tài sản cố định hữu hình đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Khởi nghiệp và sáng tạo cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp Việt Nam</i> , 2019, ISBN: 978-604-55-4620-8, Nhà xuất bản Hà Nội, Tr 127-141.	
41	Phạm Anh Tuấn, Research on accounting for impairment of assets according to international accounting standards and how some countries apply ias36, some proposes for vietnam to integrate international economy and create favorable condition for FDI enterpriess, <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: FDI toàn cầu và ứng biến của doanh nghiệp FDI tại Việt Nam trong bối cảnh mới</i> , 2021, ISBN: 978-604-341-272-7, Nhà xuất bản Thanh niên, Hà Nội, Tr 982-1000.	
42	Phạm Anh Tuấn, Some proposiotiontions for tangible fixed assets accounting on the fair value model in vietnam under the impacts of covid – 19 pandemic, <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Phục hồi và phát triển kinh tế Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19</i> , 2022, ISBN: 978-604-337-506-0, Nhà xuất bản Đại học Huế, Huế, Tr 228-244.	
43	Pham Anh Tuan (2023), 'Some proposals improve the environmental recovery cost accounting for fixed assets to develop green accounting in Vietnam', International conference proceedings: Green economic development in Vietnam, NXB Hà Nội.	
44	Phạm Anh Tuấn (2022), 'Một số giải pháp nhằm thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong hoạt động kế toán tại các doanh nghiệp Việt Nam', <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Chuyển đổi số trong quản lý kinh tế, kinh doanh và tài chính - kế toán</i>	

TT	Công trình khoa học	Ghi chú
45	Bùi Bá Khiêm (2020), 'Covid-19: Liều thuốc thúc đẩy Logistics Việt Nam', <i>Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: Tác động của Đại dịch Covid-19 tới thương mại và đầu tư ở Việt Nam</i> ; ISBN: 978-604-946-954-1, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 683 – 690.	
46	Nguyễn Thị Thanh Nhân, Bùi Bá Khiêm (2021), 'Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với phát triển kinh tế nhanh, đột phá của thành phố Hải Phòng', <i>Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: FDI toàn cầu và ứng biến của doanh nghiệp FDI tại Việt Nam trong bối cảnh mới</i> ; ISBN: 978-604-341-272-7, NXB Thanh niên, 469 – 476.	
47	Nguyễn Thị Thanh Nhân, Bùi Bá Khiêm (2022), 'Vai trò của đầu tư phát triển đối với kinh tế thành phố Hải Phòng sau tác động của đại dịch Covid-19', <i>Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: Phục hồi và phát triển kinh tế Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19</i> ; ISBN: 978-604-337-506-0, NXB Đại học Huế, 30 – 39.	
48	Bùi Bá Khiêm, Nguyễn Thị Thanh Nhân (2022), 'Chuyển đổi số - hướng đi thích ứng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam trong bối cảnh tác động của Covid-19', <i>Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: Phục hồi và phát triển kinh tế Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19</i> ; ISBN: 978-604-337-506-0, NXB Đại học Huế, 1185 – 1193.	
49	Nguyen, T.T.N., Bui, B.K. (2023), 'Green growth model case study in Haiphong city', <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Phát triển kinh tế xanh</i> – ISBN: 978-604-557-850-6, NXB Hà Nội, 69 – 77.	
50	Bui, B.K., Nguyen, T.T.N. (2023), 'The development of green logistics - the trend of the future', <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Phát triển kinh tế xanh</i> – ISBN: 978-604-557-850-6, NXB Hà Nội, 19 – 29.	
51	Bùi Bá Khiêm (2023), 'Đánh giá tác động của công nghệ mới trong việc thúc đẩy các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu', <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Giải pháp thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu</i> – ISBN: 978-604-937-323-7, NXB Hàng Hải, 11 – 16.	
52	Bui, B.K., Vuong, T.T., Nguyen, T.T.N. (2019), 'Some mistakes in innovation of vietnamese enterprises', <i>International Conference: Innovation of enterprise management in order to support entrepreneurship and creativity</i> ; ISBN 978-604-55-4621-5, NXB Hà Nội, T9/2019, 89 – 99.	
53	Nguyễn Hoài Nam, Trương Đình Chiến (2017), 'Xuất xứ hàng hóa ảnh hưởng tới hành vi mua thực phẩm dành cho trẻ em, giải pháp đối với doanh nghiệp đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong thành phố thông minh', <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Xây dựng mô hình thành phố thông minh (smart cities) đạt chuẩn các chỉ số thành phố thế giới, mục tiêu an ninh, an sinh, an toàn (thích ứng với điều kiện Việt Nam)</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 299 – 310.	
54	Nguyễn Hoài Nam (2017), 'Tổ chức lãnh thổ du lịch trong phát triển kinh tế du lịch biển tại Hải Phòng', <i>Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế: Quản lý nhà nước về biển và hải đảo - vấn đề và cách tiếp cận</i> , NXB Hải Phòng, 613 - 623	
55	Trần Văn Huy, Đào Văn Tuyết, Hoàng Văn Quý, Nguyễn Văn Đoàn, Hoàng Xuân Trung, Nguyễn Văn Quyền, Vũ Thị Khánh Toàn, Lê Đình Nghiệp (2022), 'Nâng cao hiệu năng của đánh hạng đa tạp EMR trong truy vấn ảnh sử dụng phương pháp đánh hạng kết hợp đa đặc trưng ảnh', <i>Kỷ yếu Hội nghị khoa học Công nghệ Quốc gia lần thứ XV (Fair 15)</i> , NXB Khoa học Tự nhiên và	

TT	Công trình khoa học	Ghi chú
	<i>Công nghệ</i> , 03-04/11/2022, 486-492.	
56	Hoàng Văn Quý, Nguyễn Thế Cường, Ngô Hoàng Huy, Trần Văn Huy, Hoàng Xuân Trung, Nguyễn Văn Đoàn, Nguyễn Văn Quyền (2022), 'Một phương pháp tra cứu ảnh hiệu quả bằng kết hợp đặc trưng mức thấp và đặc trưng học sâu nhúng với đánh hạng đa tạp', <i>Kỷ yếu Hội nghị khoa học Công nghệ Quốc gia lần thứ XXV về điện tử, truyền thông và CNTT (REV-ECIT)</i> , NXB Thông tin và Truyền thông, ngày 17/12/2022, 100-106.	
57	Nguyễn Thị Xuân (2021), 'Phát huy hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ở trường đại học', <i>Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: Xây dựng nền giáo dục thực chất - định hướng và giải pháp</i> , Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, ISBN: 978-604-342-191-0, 697 – 704.	
58	Nguyễn Thị Xuân (2023), 'Quan điểm của Hồ Chí Minh, của Đảng, chính sách của nhà nước trong việc bảo vệ môi trường và ý nghĩa của nó đối với doanh nghiệp hiện nay', <i>Đại học Thương mại</i> , 19/05/2023, NXB Hà Nội, 457 - 466	
59	Nguyễn Thị Xuân (2022), 'Công tác giảng dạy, học tập các môn Lý luận chính trị ở Trường Đại học Hải Phòng trong giai đoạn hiện nay', <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Giảng dạy lý luận chính trị và pháp luật trong bối cảnh giáo dục đại học hiện nay</i> , Trường Đại học Hải Phòng, 04/11/2022, NXB Đại học Hàng Hải, 96 – 104.	
60	Phạm Văn Hùng (2019), 'Vấn đề giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa của mo Mường Sơn La theo tư tưởng Hồ Chí Minh', <i>Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia: 60 năm Bác Hồ lên thăm Tây Bắc</i> , NXB Đại học Huế, ISBN: 978-604-974-207-1, 162-175.	
61	Phạm Văn Hùng (2022), 'Tính khoa học và đổi mới trong giảng dạy vấn đề không gian – thời gian', <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Giảng dạy lý luận chính trị và pháp luật trong bối cảnh giáo dục đại học hiện nay</i> , NXB Đại học Hàng Hải, 590-602.	
62	Phạm Văn Hùng (2019), 'Những thách thức và cơ hội cho các cơ sở giáo dục đại học địa phương trước tác động của cách mạng công nghiệp 4.0', <i>Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia: Tái cấu trúc hệ thống giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam cho các thập niên đầu của thế kỷ XXI</i> , NXB Thông tin và truyền thông, ISBN:978-604-80-3964-6, 305-317.	
63	Phạm Văn Hùng (2019), 'Kiểm tra đánh giá trong dạy học môn giáo dục chính trị theo hướng tiếp cận năng lực người học ở các trường Cao đẳng hiện nay', <i>Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia: Bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học trên thế giới và ở Việt Nam</i> , NXB Đà Nẵng, ISBN:978-604-84-4503-4, 257-264.	
64	Nguyễn Thị Thúy Hà, Đoàn Thị Oanh (2021), 'Phân tích mối quan hệ đầu tư trực tiếp nước ngoài và tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020', <i>Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc tế: FDI toàn cầu và ứng biến của doanh nghiệp FDI tại Việt Nam</i> , NXB Thanh niên, 426 – 432.	
65	Nguyễn Thị Thúy Hà, Định Thị Việt Hà (2023), 'Mối quan hệ đầu tư trực tiếp nước ngoài với tăng trưởng kinh tế và xu hướng thu hút FDI xanh tại Việt Nam', <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam</i> , NXB Hà Nội, 540 – 548.	
66	Nguyễn Thị Thu Thủy, Phương Hữu Tùng (2019), 'Tác động của các nhân tố ảnh hưởng tới khả năng sinh lời của một số doanh nghiệp xuất khẩu than ở Việt Nam', <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Thương mại quốc tế chính sách và thực tiễn tại Việt Nam</i> ,	

TT	Công trình khoa học	Ghi chú
	NXB Khoa học và Kỹ thuật, 794 – 804.	
67	Trần Kim Hương, Nguyễn Thị Thu Thủy, Nguyễn Thị Tuyền, Ngô Thị Thu Hằng (2020), 'Xuất khẩu thủy sản Việt Nam dưới tác động của Covid-19', <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Tác động của đại dịch Covid-19 tới thương mại và đầu tư ở Việt Nam</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 211 – 217.	
68	Phương Hữu Tùng, Nguyễn Thị Thu Thủy (2020), 'Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến lao động, việc làm ở Việt Nam: thực tiễn và khuyến nghị', <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Tác động của đại dịch Covid-19 tới thương mại và đầu tư ở Việt Nam</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 789 – 795.	
69	Đỗ Minh Thụy, Nguyễn Thị Thu Thủy, Đoàn Thị Oanh (2022), 'Chuyển đổi số trong giáo dục đại học - giải pháp cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho thành phố Hải Phòng', <i>Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: Chuyển đổi số trong quản lý kinh tế, kinh doanh và tài chính - kế toán</i> , NXB Hàng Hải, 65 – 80.	
70	Do Minh Thuy, Nguyen Thi Thu Thuy, Tran Quang Phong (2022), 'Forming free trade zone in Hai Phong - Pros and Cons', <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Phục hồi và phát triển kinh tế Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19</i> , NXB Đại học Huế, 1068 – 1079.	
71	Nguyen Thi Thu Thuy, Tran Kim Huong, Ngo Thi Thu Hang (2023), 'Some issues about the status of green economic development in Vietnam', <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam</i> , NXB Hà Nội, 549 – 561.	
72	Nguyễn Thị Thu Hà (2017), 'Một số ảnh hưởng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đối với việc thúc đẩy hợp tác vận tải biển giữa Việt Nam và các nước trong khối Asean', <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Nâng cao năng lực quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ 4</i> , Trường Đại học Hải Phòng, tháng 11/2017, NXB Lao động, 102 – 108.	
73	Nguyễn Thị Thu Hà (2019), 'Thực tiễn áp dụng các điều ước quốc tế vận tải biển tại Việt Nam', <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Thương mại quốc tế chính sách và thực tiễn tại Việt Nam</i> , NXB Khoa học và Kỹ thuật, 944 – 959.	
74	Nguyễn Thị Thu Hà (2020), 'Một số biện pháp giảm thiểu khó khăn của ngành dệt may Việt Nam do tác động của đại dịch Covid-19', <i>Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia: Tác động của Covid-19 tới thương mại và đầu tư tại Việt Nam</i> , Đại học Thương mại - Đại học Kinh tế Quốc dân - Viện Kinh tế Việt Nam - Đại học Hải Phòng, 745 – 754.	
75	Bùi Thị Thanh Nhân (2018), 'Ý định sử dụng dịch vụ chăm sóc da của phụ nữ Việt Nam', <i>Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc tế: Cách mạng công nghiệp 4.0: Cơ hội và thách thức đối với phát triển kinh tế Việt Nam</i> , NXB Hà Nội, tháng 8/2018, 104 – 114.	
76	Đặng Huy Du (2022), 'Phát triển kinh tế biển trong bối cảnh chuyển đổi số tại Hải Phòng', <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Chuyển đổi số trong quản lý kinh tế, kinh doanh và tài chính - kế toán</i> , Hải Phòng, tháng 12 năm 2022, ...	
77	Cao Thị Vân Anh, Ngô Minh Tuyền (2023), 'Nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng tại VNPT Hải Phòng trong bối cảnh chuyển đổi số', <i>Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia: Chuyển đổi số trong quản lý kinh tế, kinh doanh và tài chính - kế toán</i> ,	

TT	Công trình khoa học	Ghi chú
	<i>NXB Hàng Hải, 553 – 564.</i>	
78	Nguyễn Thị Liên, Cao Thị Vân Anh (2022), 'Khôi phục nguồn vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam sau tác động của Covid-19', <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Phục hồi và phát triển kinh tế Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19</i> , NXB Đại học Huế, 1108-1126.	
79	Cao Thị Vân Anh (2018), <i>Quản lý rủi ro chuỗi cung ứng ngành dệt may Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0</i> , Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Cách mạng công nghiệp 4.0: Cơ hội và thách thức đối với phát triển kinh tế Việt Nam, NXB Hà Nội, 454 – 468.	
80	Giang Thị Xuyên (), <i>Kế toán – kiểm toán Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 cơ hội và thách thức</i> , NXB Hồng Đức, 103-110.	
81	Giang Thị Xuyên (2019), <i>Industry 4.0 's impact on the accounting and auditing profession and education in Vietnam</i> , Proceedings the second international conference on the sustainable economic development an Financial Publishing House (NXB Tài chính).	
Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo		
1	Đỗ Minh Thụy, Nguyễn Thị Thanh Nhân, Nguyễn Thị My, Cao Thị Vân Anh (...), <i>Giáo trình Khởi sự kinh doanh</i> , NXB Xây dựng.	
2	Đỗ Minh Thụy, Phạm Minh Đạt, Cao Thị Vân Anh, Nguyễn Thị Liên, Phạm Thị Thu Hòa, Nguyễn Đức Văn (2019), <i>Giáo trình Quản trị doanh nghiệp</i> , Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.	
3	Đình Văn Tiến, Vũ Huy Từ, Phạm Văn Đăng, Thái Văn Hà, Trịnh Thị Thủy, Nguyễn Tuấn Anh, Nguyễn Sĩ Duy Hoài, Hà Thị Thu Phương, Đặng Huy Du, Lê Vũ Hà, Nguyễn Văn Nhung, Nguyễn Thu Hằng, Nguyễn Đình Nhật, Nguyễn Thị Hồng Hào (...), <i>Giáo trình Quản lý công</i> , NXB Lao Động.	
4	Nguyễn Hoài Nam, Trương Đình Chiến (2017), <i>Giáo trình Quản trị Marketing (Dùng cho học viên cao học Kinh tế và Quản trị kinh doanh)</i> , Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.	
5	Phạm Văn Cương (2019), <i>Giáo trình Ứng dụng các phương pháp toán trong quản lý kinh tế</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.	
6	Phạm Văn Cương (2023), <i>Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế và quản trị kinh doanh (dành cho chương trình sau đại học)</i> , NXB Hàng Hải.	
7	Phạm Thị Thanh Huyền, Lương Khánh Chi, Nguyễn Thị Tuyết Mai và các thành viên khác (2016), <i>Giáo trình Bảo hiểm</i> , NXB Hàng Hải, ISBN: 978-604-937-105-9.	
8	Đào Minh Hằng (2018), <i>Sách chuyên khảo: Kiểm toán hàng tồn kho do kiểm toán độc lập Việt Nam thực hiện tại các doanh nghiệp sản xuất thép</i> , NXB Lao động, ISBN: 978-604-59-9839-7.	
9	Nguyễn Thái Sơn (2015), <i>Sách chuyên khảo: Vận đơn điện tử (e-B/L) và khả năng áp dụng ở Việt Nam</i> , NXB Giáo dục Việt Nam,	

TT	Công trình khoa học	Ghi chú
	ISBN: 978-604-0-07379-2.	
10	Nguyễn Thái Sơn (2016), <i>Sách chuyên khảo: Đầu tư vào Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải: Thực trạng và giải pháp</i> , NXB Hàng Hải, ISBN: 978-604-937-080-9.	
11	Nguyễn Thái Sơn, Nguyễn Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Thu Trang, Hồ Mạnh Tuyên (2016), <i>Sách chuyên khảo: Kinh doanh biên mậu qua cửa khẩu Cảng Hải Phòng</i> , NXB Hàng Hải, ISBN: 978-604-937-106-6.	
12	Nguyễn Thái Sơn (chủ biên) (2020), <i>Sách chuyên khảo: Kinh tế phi chính thức trên địa bàn Hải Phòng</i> , NXB Hàng Hải, ISBN: 978-604-937-242-1.	
13	Van T. T. Dinh, Thuc H. T. Pham, Tiep M. Bui, and Tu N. Ho (2022), Chapter: The Vietnamese Pension System and Aging Population, International comparison of pension systems, Contributions to Management Science, Springer.	
14	Giang Thị Xuyên, Đậu Ngọc Châu và các thành viên khác (2016), <i>Giáo trình Lý thuyết kiểm toán</i> , NXB Thống kê, ISBN-13:978-604-75-0490-9.	
15	Phí Thị Kiều Anh, Vũ Thị Phương Liên, các thành viên khác: Giang Thị Xuyên ... (2020), <i>Sách chuyên khảo: Kiểm toán nội bộ ngân hàng thương mại</i> , ISBN: 978-604-79-2584-1.	

TRƯỞNG PHÒNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

PGS.TS. Bùi Bá Khiêm

TRƯỞNG KHOA KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

PGS.TS. Nguyễn Thái Sơn

6. CƠ SỞ VẬT CHẤT

6.1. Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành

Bảng 6.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần /môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	269	24.853	Các hoạt động chung	Toàn khóa học	
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	10	6.300	Các hoạt động chung	Toàn khóa học	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	13	2.600	Các hoạt động chung	Toàn khóa học	
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	231	17.760	Các hoạt động chung	Toàn khóa học	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	9	300	Các học phần trong chương trình đào tạo	Học kì I,II, III	
1.5	Số phòng học đa phương tiện	2	220	Bảo vệ luận văn, seminar khoa học	Học kì I, II, III, IV	
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	4	130	Các hoạt động chung	Toàn khóa học	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	2.695	Phục vụ học tập, nghiên cứu	Toàn khóa học	
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	19	2.134	Phục vụ học tập, nghiên cứu	Toàn khóa học	

CHÁNH VĂN PHÒNG

ThS. Phạm Khánh Toàn

Nhà trường có đủ phòng học, phòng máy được trang bị hệ thống máy tính hiện đại, phù hợp với số lượng học viên, có phần mềm hỗ trợ nghiệp vụ kế toán để phục vụ nhu cầu giảng dạy, học tập, thực hành, thực nghiệp của chương trình đào tạo.

Khoa chuyên môn đã phối hợp đào tạo thực hành, thực tập với các cơ sở thực hành, thực tập bên ngoài nhà trường phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học cho toàn khóa học như: Công ty Tân Kế toán, Ngân hàng Quân đội, Công ty Bảo Việt Đình Vũ, Công ty Kiểm toán ASCO, UHY...

6.2. Giáo trình, tài liệu hỗ trợ giảng dạy, học tập, nghiên cứu

Bảng 6.2. Tên sách, giáo trình, tạp chí

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Nước xuất bản	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã HP/Môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Tên chương trình
1	Giáo trình Nguyên lý kế toán	Hoàng Thị Ngà	Trường Đại học Hải Phòng	2023	VN	15	Lý thuyết kế toán	KTLT505	Học kỳ I	
2	Accounting ethics	Ronald Duska, Brenda Shay Duska, Julie Ragatz	Wiley-Blackwell Publishing	2022	Anh	5	Tư duy và đạo đức kế toán	KTTD516	Học kỳ I	
3	Đạo đức kinh doanh và Văn hoá doanh nghiệp	Đại học Kinh tế quốc dân	Lao động - Xã hội	2022	VN	5	Tư duy và đạo đức kế toán	KTTD516	Học kỳ I	
4	Giáo trình Nguyên lý kế toán	Nguyễn Hữu Anh, Phạm Đức Cường	Đại học Kinh tế Quốc dân	2022	VN	10	Lý thuyết kế toán	KTLT505	Học kỳ I	
5	Giáo trình văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	Lê Văn Cẩm	Đại Học Quốc Gia Hà Nội	2022	VN	10	Tư duy và đạo đức kế toán	KTTD516	Học kỳ I	
6	Hệ thống chuẩn mực kế toán công Việt Nam	Tăng Bình, Ái Phương	Tài chính	2022	VN	8	Chuẩn mực kế toán công	KTCM511	Học kỳ I	

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất	Năm	Nước	Số	Tên học	Mã	Thời	Tên
7	Tập bài giảng Giao dịch và Đàm phán trong kinh doanh	Nguyễn Thái Sơn		2022	VN	10	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	KTGT532	Học kỳ I	
8	Tập bài giảng Pháp luật Kinh tế	Nguyễn Thái Sơn		2022	VN	50	Pháp luật kinh tế	KTPL510	Học kỳ I	
9	The Roles of FinTech with Perceived Mediators in Consumer Financial Satisfaction with Cashless Payments”, Mathematics 2022, 10, 3531. https://doi.org/10.3390/math10193531	Fuzhong Chen and Guohai Jiang		2022	Anh	7	Công nghệ mới trong ngành tài chính - kế toán	KTCN518	Học kỳ I	
10	Thuế và kế toán thuế 2022	Phạm Ngọc Toàn	Tài chính	2022	VN	9	Chuẩn mực kế toán công	KTCM511	Học kỳ I	
11	Tư duy kế toán phải có trong kinh doanh	Takaharu Yasumoto	Công Thương	2022	VN	11	Tư duy và đạo đức kế toán	KTTD516	Học kỳ I	
12	Chuẩn mực kế toán quốc tế và Việt Nam	Chúc Anh Tú	Tài chính	2021	VN	20	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	KTMB526	Học kỳ I	
13	Giáo trình Đầu tư tài chính	Nguyễn thị Hoài Lê, Trần Thị Xuân Anh	CTQG Sự thật	2021	VN	50	Đầu tư tài chính	KTDT533	Học kỳ I	
14	Giáo trình kiểm soát nội bộ	Trường ĐH Kinh Tế TP HCM	Phương Đông	2021	VN	20	Kiểm soát và kiểm toán nội bộ khu vực công	KTKS534	Học kỳ I	
15	Giáo trình kiểm soát nội bộ	Nguyễn Hữu Ánh	ĐH Kinh tế Quốc dân	2021	VN	15	Kiểm soát và kiểm toán nội bộ khu vực công	KTKS534	Học kỳ I	
16	Giáo trình Phân tích tài chính	Đỗ Hồng Nhung	Kinh tế quốc dân	2021	VN	7	Phân tích tài chính	KTPT523	Học kỳ III	

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất	Năm	Nước	Số	Tên học	Mã	Thời	Tên
17	Kế toán thuế trong doanh nghiệp và kỹ năng quyết toán thuế	Vũ Thị Kim Anh, Hà Thị Thúy Vân, Trần Mạnh Dũng	Tài chính	2021	VN	5	Kế toán thuế nâng cao	KTNC530	Học kỳ I	
18	Quyết toán thuế (lý thuyết và thực tế)	Đặng Phước Đức	Tài chính	2021	VN	10	Kế toán thuế nâng cao	KTNC530	Học kỳ I	
19	The effect of cashless payments on the internet and mobile banking, Journal of Financial Services Marketing, https://doi.org/10.1057/s41264-022-00145-0 .	Hway, Boon Ong, Lee, Lee Chong		2021	Anh	5	Công nghệ mới trong ngành tài chính - kế toán	KTCN518	Học kỳ I	
20	Bài giảng Triết học	Nguyễn Thị Xuân	Đại học Hải Phòng	2020	VN	1	Triết học	KTTH501	Học kỳ I	
21	Giáo trình Kế toán tài chính (Quyển 1)	Nguyễn Hữu Ánh	Đại học Kinh tế quốc dân	2020	VN	10	Kế toán tài chính nâng cao	KTKK520	Học kỳ II	
22	Giáo trình Kế toán tài chính (Quyển 2)	Nguyễn Hữu Ánh	Đại học Kinh tế quốc dân	2020	VN	10	Kế toán tài chính nâng cao	KTKK520	Học kỳ II	
23	Giáo trình Phân tích tài chính	Trần Thị Thanh Tú	Quốc gia Hà Nội	2020	VN	12	Phân tích tài chính	KTPT523	Học kỳ III	
24	Giáo trình Quản trị tài chính doanh nghiệp	Phạm Quang Trung, Lê Thị Bích Ngọc	Đại học Kinh tế quốc dân	2020	VN	20	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	KTTC504	Học kỳ I	
25	Giáo trình Thống kê doanh nghiệp	Nguyễn Công Nhựt	Đại học Kinh tế quốc dân	2020	VN	5	Thống kê và phân tích kinh tế	KTTK503	Học kỳ I	
26	Giáo trình thuế	Phan Hữu Nghị	Đại học Kinh tế quốc dân	2020	VN	70	Chuẩn mực kế toán công	KTCM511	Học kỳ I	
27	Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo nâng cao			2020	VN	67	Kế toán và dịch vụ đảm	KTDV507	Học kỳ I	

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất	Năm	Nước	Số	Tên học	Mã	Thời	Tên
							bảo			
28	Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo nâng cao	Bộ Tài chính		2020	VN	23	Kiểm toán tài chính và nâng cao	KTTA522	Học kỳ II	
29	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Đặng Việt Đức, Đinh Xuân Dũng	Thông tin và Truyền thông	2020	VN	10	Tài chính DN nâng cao	KTTC504	Học kỳ I	
30	Tài chính doanh nghiệp	Bùi Hữu Phước	Tài chính	2020	VN	5	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	KTTC504	Học kỳ I	
31	Giáo trình “Kinh tế nguồn nhân lực”	Trần Xuân Cầu	Kinh tế Quốc dân	2019	VN	20	Quản trị nhân lực	KTNL537	Học kỳ I	
32	Giáo trình Giao dịch và Đàm phán trong kinh doanh		Trường ĐH KTQD	2019	VN	25	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	KTGT532	Học kỳ I	
33	Giáo trình kế toán quốc tế	Nguyễn Thị Loan	Lao động	2019	VN	30	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	KTMB526	Học kỳ I	
34	Giáo trình kiểm toán báo cáo tài chính	Nguyễn Phú Giang, Nguyễn Việt Tiến	Thống kê	2019	VN	10	Kiểm toán tài chính và nâng cao	KTTA522	Học kỳ II	
35	Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học trong Kinh tế	Phạm Văn Cương	Trường Đại học Hải Phòng	2019	VN	10	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế	KTPP502	Học kỳ I	
36	Tập bài giảng kiểm toán hoạt động			2019	VN	15	Kiểm toán hoạt động nâng cao	KTHD535	Học kỳ I	
37	Thuế và kế toán thuế trong doanh nghiệp	Trần Mạnh	Tài chính	2019	VN	20	Kế toán thuế	KTNC530	Học kỳ I	

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất	Năm	Nước	Số	Tên học	Mã	Thời	Tên
		Dũng					nâng cao			
38	Cơ sở các hệ thống thông tin	Hà Quang Thụy, Nguyễn Ngọc Hóa	Đại học Quốc gia Hà Nội	2018	VN	9	Hệ thống thông tin quản lý	KTTQ513	Học kỳ I	
39	Giáo trình Kế toán thuế	Nghiêm Văn Lợi	Tài chính	2018	VN	10	Kế toán thuế nâng cao	KTNC530	Học kỳ I	
40	Giáo trình kiểm soát	Nguyễn Ngọc Huyền	Kinh tế quốc dân	2018	VN	5	Hệ thống thông tin quản lý	KTTQ513	Học kỳ I	
41	Using MIS	David M. Kroenke, Randall J. Boyle		2018	Mĩ	5	Hệ thống thông tin quản lý	KTTQ513	Học kỳ I	
42	Bài giảng Quản lý sự thay đổi	Nguyễn Thị Lệ Thúy	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	2017	VN	9	Quản trị rủi ro và thay đổi	KTRR538	Học kỳ I	
43	bài tập kế toán thuế	Nghiêm Văn Lợi	Trường Đại học Lao động xã hội	2017	VN	10	Kế toán thuế nâng cao	KTNC530	Học kỳ I	
44	Blockchain for dummies	Manav Gupta	John Wiley & Sons	2017	Mĩ	10	Công nghệ mới trong ngành tài chính - kế toán	KTCN518	Học kỳ I	
45	Cashless payment: A behavioural change to economic growth	Neetu Kumari, Jhanvi Khanna		2017	Anh	9	Công nghệ mới trong ngành tài chính - kế toán	KTCN518	Học kỳ I	
46	Chế độ Kế toán hành chính, sự nghiệp (Ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính)	Bộ Tài chính		2017	VN	5	Kế toán công	KTKC529	Học kỳ I	
47	Giáo trình Phân tích tài chính	Nguyễn	Tài chính	2017	VN	8	Phân tích	KTPT523	Học kỳ	

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất	Năm	Nước	Số	Tên học	Mã	Thời	Tên
		Trọng Cơ và Nghiêm Thị Thà					tài chính		III	
48	Giáo trình Quản trị rủi ro	Trần Hùng	Hà Nội	2017	VN	9	Quản trị rủi ro và thay đổi	KTRR538	Học kỳ I	
49	Giáo trình tài chính doanh nghiệp	Vũ Duy Hào	Đại học Kinh tế quốc dân	2017	VN	4	Thống kê và phân tích kinh tế	KTTK503	Học kỳ I	
50	Giáo trình tài chính doanh nghiệp	Vũ Duy Hào, Trần Minh Tuấn	Đại học Kinh tế quốc dân	2017	VN	9	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	KTTC504	Học kỳ I	
51	Giáo trình tài chính doanh nghiệp	Vũ Duy Hào	Đại học Kinh tế quốc dân	2017	VN	3	Thị trường và các định chế tài chính	KTDC519	Học kỳ I	
52	Hệ thống thông tin kế toán	Nguyễn Thị Vân Anh .Nguyễn Thị Việt Lê	Học viện công nghệ bưu chính viễn thông	2017	VN	10	Kế toán ngân hàng nâng cao	KTNH531	Học kỳ I	
53	Lý thuyết kiểm toán	Nguyễn Quang Quynh	Tài chính	2017	VN	10	Kế toán và dịch vụ đảm bảo	KTDV507	Học kỳ I	
54	Lý thuyết tài chính tiền tệ	Cao Thị Ý Nhi	Đại học Kinh tế quốc dân	2017	VN	5	Thị trường và các định chế tài chính	KTDC519	Học kỳ I	
55	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	Nguyễn Đình Thọ	Lao động – Xã hội	2017	VN	9	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế	KTPP502	Học kỳ I	
56	Phương pháp nghiên cứu kinh tế và viết luận văn thạc sĩ	Đình Phi Hồ	Kinh tế Thành phố Hồ Chí	2017	VN	1 (TLS)	Phương pháp nghiên cứu khoa	KTPP502	Học kỳ I	

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất	Năm	Nước	Số	Tên học	Mã	Thời	Tên
			Minh				học trong kinh tế			
57	Giáo trình Giao tiếp kinh doanh	Hà Nam Khánh Giao		2016	VN	10	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	KTGT532	Học kỳ I	
58	Giáo trình Pháp luật Kinh tế		Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	2016	VN	50	Pháp luật kinh tế	KTPL510	Học kỳ I	
59	Giáo trình quản trị kinh doanh tập 1	Nguyễn Ngọc Huyền	Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội	2016	VN	35	Quản trị kinh doanh hiện đại	KTKD506	Học kỳ I	
60	Giáo trình Triết học (Dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học xã hội và nhân văn không chuyên ngành Triết học)	Bộ Giáo dục và đào tạo	Đại học Sư phạm	2016	VN	17	Triết học	KTTH501	Học kỳ I	
61	Hệ thống thông tin kế toán	Huỳnh Văn Hiếu	Kinh tế tp.Hồ Chí Minh	2016	VN	9	Kế toán ngân hàng nâng cao	KTNH531	Học kỳ I	
62	Indian Institute of Banking			2016	Ấn Độ	2	Công nghệ mới trong ngành tài chính - kế toán	KTCN518	Học kỳ I	
63	Kế toán Ngân hàng	Nguyễn Hồng Yên	Học viện Ngân hàng	2016	VN	9	Kế toán ngân hàng nâng cao	KTNH531	Học kỳ I	
64	Kiểm toán nội bộ	Đường Nguyên Hưng	Giáo dục	2016	VN	8	Kiểm soát và kiểm toán nội bộ khu vực công	KTKS534	Học kỳ I	
65	Thị trường tài chính và các định chế tài chính	Lê Thị Tuyết Hoa,	Kinh tế TP Hồ Chí Minh	2016	VN	7	Thị trường và các định chế tài chính	KTDC519	Học kỳ I	

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất	Năm	Nước	Số	Tên học	Mã	Thời	Tên
66	Auditing And Assurance Services	Alvin A. Arens , Randal J. Elder , Mark S. Beasley		2015	Anh	8	Kiểm toán tài chính và nâng cao	KTTA522	Học kỳ II	
67	Auditing And Assurance Services (14th Edition)	Alvin A. Arens , Randal J. Elder , Mark S. Beasley		2015	Anh	7	Kế toán và dịch vụ đảm bảo	KTDV507	Học kỳ I	
68	Giáo trình Phân tích Tài chính doanh nghiệp	Ngô Thế Chi, Nguyễn Trọng Cơ	Học viện Tài chính	2015	VN	1	Thị trường và các định chế tài chính	KTDC519	Học kỳ I	
69	Impact of technology in Banking Sector: Mumbai: Shroff	Avasthi, A		2015	Anh	3	Công nghệ mới trong ngành tài chính - kế toán	KTCN518	Học kỳ I	
70	Kế toán tài chính Tập 2	Trần Xuân Nam	Tài chính	2015	VN	5	Kế toán quốc tế	KTKT528	Học kỳ I	
71	Kiểm toán nội bộ	Nguyễn Phú Giang	Tài chính	2015	VN	8	Kiểm soát và kiểm toán nội bộ khu vực công	KTKS534	Học kỳ I	
72	Kiểm toán nội bộ	Thịnh Văn Vinh, Phạm Tiến Hưng	Tài chính	2015	VN	6	Kiểm soát và kiểm toán nội bộ khu vực công	KTKS534	Học kỳ I	
73	Kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp	Phan Trung Kiên	Tài chính	2015	VN	4	Kiểm soát và kiểm toán nội bộ khu vực công	KTKS534	Học kỳ I	
74	Thị trường tài chính và các định chế tài chính	Bùi Kim Yên – Nguyễn	Tài chính	2015	VN	10	Thị trường và các định	KTDC519	Học kỳ I	

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất	Năm	Nước	Số	Tên học	Mã	Thời	Tên
		Minh Kiều					chế tài chính			
75	Thông tư số 66/2015/TT-BTC ngày 08 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài Chính ban hành các chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo khác.	Bộ Tài chính		2015	VN	9	Kế toán và dịch vụ đảm bảo	KTDV507	Học kỳ I	
76	Thông tư số 69/2015/TT-BTC ngày 08 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài Chính ban hành Khuôn khổ Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo	Bộ Tài chính		2015	VN	8	Kế toán và dịch vụ đảm bảo	KTDV507	Học kỳ I	
77	Giáo trình Giao dịch thương mại quốc tế	Nguyễn Thái Sơn	Trường Đại học Hải Phòng	2014	VN	5	Pháp luật kinh tế	KTPL510	Học kỳ I	
78	Digital bank	Skinner, C		2014	Anh	8	Công nghệ mới trong ngành TCKT	KTCN518	Học kỳ I	
79	Giáo trình Đầu tư tài chính	Võ Thị Thúy Anh	Tài chính	2014	VN	20	Đầu tư tài chính	KTDT533	Học kỳ I	
80	Giáo trình Giao dịch thương mại quốc tế	Nguyễn Thái Sơn	Trường Đại học Hải Phòng	2014	VN	7	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	KTGT532	Học kỳ I	
81	Giáo trình Kế toán Ngân hàng thương mại	Nguyễn Văn Lộc, Hà Minh Sơn	Tài chính	2014	VN	24	Kế toán ngân hàng nâng cao	KTNH531	Học kỳ I	
82	Giáo trình Nguyên lý thống kê	Trần Thị Kim Thu	Thống kê	2014	VN	5	Thống kê và phân tích kinh tế	KTTK503	Học kỳ I	
83	Giáo trình thực hành nghiên cứu trong Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Nguyễn Văn Thắng	Đại học Kinh tế Quốc dân	2014	VN	6	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế	KTPP502	Học kỳ I	
84	Investments	Z., Kane, A., Marcus, A. J., Jain, R.;	McGraw-Hill	2014	Anh	5	Đầu tư tài chính	KTDT533	Học kỳ I	

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất	Năm	Nước	Số	Tên học	Mã	Thời	Tên
85	Kế toán hợp nhất kinh doanh và lập báo cáo tài chính hợp nhất	Nguyễn Trí Tri	Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	2014	VN	3	Báo cáo tài chính hợp nhất	KTBC527	Học kỳ I	
86	Kiểm toán Tập 1	Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Kinh tế TP	2014	VN	5	Kế toán và dịch vụ đảm bảo	KTDV507	Học kỳ I	
87	Kiểm toán Tập 1	Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	2014	VN	6	Kiểm toán tài chính và nâng cao	KTTA522	Học kỳ II	
88	Kiểm toán Tập 2	Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Kinh tế TP	2014	VN	7	Kế toán và dịch vụ đảm bảo	KTDV507	Học kỳ I	
89	Kiểm toán Tập 2	Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	2014	VN	6	Kiểm toán tài chính và nâng cao	KTTA522	Học kỳ II	
90	Những vấn đề cơ bản và cấp bách của triết học Mác-xít	Nguyễn Thế Nghĩa - Thái Thị Thu Hương	Chính trị Quốc gia-Sự thật	2014	VN	0	Triết học	KTTH501	Học kỳ I	
91	Phương pháp nghiên cứu kinh tế - Kiến thức cơ bản	Trần Tiến Khai	Lao động – Xã hội	2014	VN	8	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế	KTPP502	Học kỳ I	

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất	Năm	Nước	Số	Tên học	Mã	Thời	Tên
92	Thông tư 202/2014/TT-BTC, Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất	Bộ Tài chính		2014	VN	9	Báo cáo tài chính hợp nhất	KTBC527	Học kỳ I	
93	Culture and Organisation- the Software of Mind	Hofstede G	McGraw-Hill Book Company	2013	Anh	5	Kinh tế số và thương mại điện tử	KTTM517	Học kỳ I	
94	Essentials of Investments	Bodie, Z., Kane, A., Marcus, A.	McGraw-Hill	2013	Anh	6	Đầu tư tài chính	KTDT533	Học kỳ I	
95	Giáo trình kiểm toán hoạt động	Nguyễn Quang Quỳnh	Đại học Kinh tế Quốc dân	2013	VN	37	Kiểm toán hoạt động nâng cao	KTHD535	Học kỳ I	
96	Giáo trình Lý thuyết kiểm toán	Nguyễn Việt Lợi, Đậu Ngọc Châu	Tài chính	2013	VN	16	Kế toán và dịch vụ đảm bảo	KTDV507	Học kỳ I	
97	Giáo trình Lý thuyết Kiểm toán	Nguyễn Việt Lợi, Đậu Ngọc Châu	Tài Chính	2013	VN	16	Kiểm toán hoạt động nâng cao	KTHD535	Học kỳ I	
98	Giáo trình Phân tích kinh doanh	Nguyễn Văn Công	Đại học Kinh tế Quốc dân	2013	VN	40	Thống kê và phân tích kinh tế	KTTK503	Học kỳ I	
99	Giáo trình Quản trị Doanh nghiệp	Ngô Kim Thanh	Đại học Kinh tế quốc dân	2013	VN	5	Hệ thống thông tin quản lý	KTTQ513	Học kỳ I	
100	Giáo trình quản trị kinh doanh Tập 2	Nguyễn Ngọc Huyền	Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội	2013	VN	3	Quản trị kinh doanh hiện đại	KTKD506	Học kỳ I	
101	Tài chính doanh nghiệp căn bản	Nguyễn Minh Kiều	Thống Kê	2013	VN	10	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	KTTC504	Học kỳ I	

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất	Năm	Nước	Số	Tên học	Mã	Thời	Tên
102	Analysis of Investments and Management of Portfolios	Reilly, F. K., Brown, K. C	Thomson - South Western	2012	Anh	6	Kiểm soát và kiểm toán nội bộ khu vực công	KTKS534	Học kỳ I	
103	Giáo trình Kế toán ngân hàng	Lâm Thị Hồng Hoa, Nguyễn Thị Loan	Phuong Đông	2012	VN	8	Kế toán ngân hàng nâng cao	KTNH531	Học kỳ I	
104	Giáo trình kiểm soát nội bộ	khoa Kế toán- Kiểm toán, trường Đại học Kinh tế Tp HCM	Phuong Đông	2012	VN	5	Hệ thống thông tin quản lý	KTTQ513	Học kỳ I	
105	Giáo trình kiểm toán tài chính	Nguyễn Quang Quynh, Ngô Trí Tuệ	Đại học Kinh tế Quốc dân	2012	VN	50	Kiểm toán tài chính và nâng cao	KTTA522	Học kỳ II	
106	Giáo trình Quản trị nhân lực	Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Vân Điềm	Đại học Kinh tế Quốc dân	2012	VN	55	Quản trị nhân lực	KTNL537	Học kỳ I	
107	Hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam ban hành theo thông tư số 214/2012/TT-BTC ngày 06/12/2012	Bộ Tài chính		2012	VN	3	Kiểm toán tài chính và nâng cao	KTTA522	Học kỳ II	
108	Hệ thống thông tin quản lý	Trần Thị Song Minh	Đại học Kinh tế quốc dân	2012	VN	5	Hệ thống thông tin quản lý	KTTQ513	Học kỳ I	
109	Thuế	Khúc Đình Nam	Lao động	2012	VN	6	Chuẩn mực kế toán công	KTCM511	Học kỳ I	
110	Getting To Yes	Roger Fisher & William Ury		2011	Mĩ	5	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	KTGT532	Học kỳ I	
111	Giáo trình chuẩn mực kế toán công quốc tế	Phạm Văn Đặng	Tài chính	2011	VN	3	Chuẩn mực kế toán công	KTCM511	Học kỳ I	

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất	Năm	Nước	Số	Tên học	Mã	Thời	Tên
112	Giáo trình Kiểm toán Báo cáo tài chính	Nguyễn Việt Lợi, Ths. Đậu Ngọc Châu	Tài Chính	2011	VN	18	Kiểm toán tài chính và nâng cao	KTTA522	Học kỳ II	
113	Giáo trình Pháp luật Thương mại quốc tế	Nguyễn Thị Mơ	Lao động Xã hội	2011	VN	6	Pháp luật kinh tế	KTPL510	Học kỳ I	
114	Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011	Quốc hội		2011	VN	3	Kế toán và dịch vụ đảm bảo	KTDV507	Học kỳ I	
115	Sách bài tập kiểm toán hoạt động	Nguyễn Thi Phương Hoa	ĐH Kinh tế quốc dân	2011	VN	20	Kiểm toán hoạt động nâng cao	KTHD535	Học kỳ I	
116	Giáo trình Lý thuyết thống kê – Câu hỏi và bài tập	Chu Văn Tuấn	Tài chính	2010	VN	8	Thống kê và phân tích kinh tế	KTTK503	Học kỳ I	
117	Giáo trình quản lý thuế	Lê Xuân Trường	Tài chính	2010	VN	9	Chuẩn mực kế toán công	KTCM511	Học kỳ I	
118	Hệ thống thông tin quản lý	Lê Văn Phùng	Thông tin và Truyền thông	2010	VN	5	Hệ thống thông tin quản lý	KTTQ513	Học kỳ I	
119	Introduction to Statistics and Data Analysis	Gerhard Bohm, Gunter Zech		2010	Anh	3	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	KTPD536	Học kỳ I	
120	Tài chính quốc tế	Đình Trọng Thịnh	Tài Chính	2010	VN	11	Thị trường và các định chế tài chính	KTDC519	Học kỳ I	
121	Kế toán quốc tế	Nguyễn Phú Giang	Tài chính	2009	VN	15	Kế toán quốc tế	KTKT528	Học kỳ I	
122	Dự báo và Phân tích dữ liệu trong Kinh tế và Tài chính	Nguyễn Trọng Hoài - Phùng Thanh Bình – Nguyễn Khánh Duy	Thống kê	2009	VN	17	Phân tích dữ liệu trong kinh	KTPD536	Học kỳ I	
123	Giao tiếp thương mại		Đại học	2009	Mĩ	10	Giao tiếp và	KTGT532	Học kỳ I	

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất	Năm	Nước	Số	Tên học	Mã	Thời	Tên
			HARVARD				đàm phán trong kinh doanh			
124	Giáo trình Kế toán hành chính sự nghiệp	Phạm Văn Liên	Tài chính	2009	VN	17	Kế toán công	KTKC529	Học kỳ I	
125	Giáo trình Pháp luật Kinh tế		Thống kê	2009	VN	8	Pháp luật kinh tế	KTPL510	Học kỳ I	
126	Giáo trình Quản lý tài chính công	Dương Đăng Chinh , Phạm Văn Khoan	Tài chính	2009	VN	4	Kế toán công	KTKC529	Học kỳ I	
127	Kỹ năng giao tiếp và thương lượng trong kinh doanh	Thái Trí Dũng	Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	2009	VN	15	Giao tiếp và đàm phán trong KD	KTGT532	Học kỳ I	
128	Principles of Information Systems	Ralph M. Stair, George W. Reynolds		2009	Anh	10	Hệ thống thông tin quản lý	KTTQ513	Học kỳ I	
129	Bài giảng văn hóa kinh doanh	Dương Thị Liễu	Đại Học Kinh tế Quốc dân	2008	VN	4	Kinh tế số và thương mại điện tử	KTTM517	Học kỳ I	
130	Công nghệ Chăm sóc khách hàng			2008	VN	10	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	KTGT532	Học kỳ I	
131	Đàm phán hiệu quả		Thông tấn	2007	VN	9	Giao tiếp và đàm phán trong KD	KTGT532	Học kỳ I	
132	Lý thuyết quản trị kinh doanh	Mai Văn Bru, Phạm Kim Chiến	Khoa học và kỹ thuật	2007	VN	2	Quản trị kinh doanh hiện đại	KTKD506	Học kỳ I	
133	Những chuyên đề triết học	Nguyễn Thế Nghĩa	Khoa học Xã hội	2007	VN	1	Triết học	KTTH501	Học kỳ I	
134	Giáo trình Kế toán Ngân hàng	Nguyễn Thị	Học viện	2006	VN	9	Kế toán	KTNH531	Học kỳ I	

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất	Năm	Nước	Số	Tên học	Mã	Thời	Tên
		Thanh Hương, Vũ Thiện Thập	Ngân hàng				ngân hàng nâng cao			
135	Giáo trình Triết học Mác Lênin		Chính trị Quốc gia Hà Nội	2006	VN	500	Triết học	KTTH501	Học kỳ I	
136	Kế toán quốc tế	Nguyễn Minh Phương	ĐH Kinh Tế Quốc Dân	2006	VN	2	Kế toán quốc tế	KTKT528	Học kỳ I	
137	Chuẩn mực kế toán số 11, Hợp nhất kinh doanh	Bộ Tài chính		2005	VN	2	Báo cáo tài chính hợp nhất	KTBC527	Học kỳ I	
138	Đạo đức kinh doanh và văn hoá doanh nghiệp	Nguyễn Mạnh Quân	Lao động – xã hội	2004	VN	5	Kinh tế số và thương mại điện tử	KTMM517	Học kỳ I	
139	Chuẩn mực kế toán số 25, Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con	Bộ Tài chính		2003	VN	2	Báo cáo tài chính hợp nhất	KTBC527	Học kỳ I	
140	Đạo đức kinh doanh	Phạm Quốc Toán	Thống kê	2002	VN	1	Kinh tế số và thương mại điện tử	KTMM517	Học kỳ I	
141	Hỏi đáp về triết học Mác- Lênin	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ chí Minh - Khoa Triết học	Chính trị Quốc gia	2002	VN	25	Triết học	KTTH501	Học kỳ I	
142	Lịch sử triết học	Nguyễn Hữu Vui	Chính trị Quốc gia	2002	VN	1	Triết học	KTTH501	Học kỳ I	
143	International Business Culture	Charles Mitchell		2000	Anh	3	Kinh tế số và thương mại điện tử	KTMM517	Học kỳ I	
144	Câu hỏi và bài tập triết học Mác Lênin T1	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Sách giáo khoa Mác –	1997	VN	12	Triết học	KTTH501	Học kỳ I	

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất	Năm	Nước	Số	Tên học	Mã	Thời	Tên
			Lênin							
145	Câu hỏi và bài tập triết học Mác Lênin T2	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Sách giáo khoa Mác – Lênin	1997	VN	15	Triết học	KTTH501	Học kỳ I	
146	Câu hỏi và bài tập triết học Mác Lênin T3	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Sách giáo khoa Mác – Lênin	1997	VN	25	Triết học	KTTH501	Học kỳ I	
147	Câu hỏi và bài tập triết học Mác Lênin T4	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Sách giáo khoa Mác – Lênin	1997	VN	18	Triết học	KTTH501	Học kỳ I	
148	Triết học tập 1 (Dùng cho nghiên cứu sinh và học viên cao học không thuộc chuyên ngành triết học)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	1996	VN	10	Triết học	KTTH501	Học kỳ I	
149	Triết học tập 2 (Dùng cho nghiên cứu sinh và học viên cao học không thuộc chuyên ngành triết học)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	1996	VN	10	Triết học	KTTH501	Học kỳ I	
150	Triết học tập 3 (Dùng cho nghiên cứu sinh và học viên cao học không thuộc chuyên ngành triết học)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	1996	VN	10	Triết học	KTTH501	Học kỳ I	
151	Ngôn ngữ của cử chỉ, và ý nghĩa của cử chỉ trong giao tiếp	ALLAN PEASE	Đà Nẵng	1995	VN	1	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	KTGT532	Học kỳ I	
152	Đại cương lịch sử triết học Trung Quốc	Trần Trọng Kim	TP Hồ Chí Minh	1992	VN	5	Triết học	KTTH501	Học kỳ I	
153	Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13	Quốc hội				20	Pháp luật kinh tế	KTPL510	Học kỳ I	
154	Thông tư số 8/2021/TT-BTC Ban hành chuẩn mực kiểm toán nội bộ Việt Nam và các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp kiểm toán nội bộ	Bộ Tài chính				12	Kiểm soát và kiểm toán nội bộ khu vực công	KTKS534	Học kỳ I	
155	Thông tư 70/2015/TT-BTC ngày 08/05/2015 Ban hành Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán	Bộ Tài chính				10	Tư duy và đạo đức kế toán	KTTD516	Học kỳ I	

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất	Năm	Nước	Số	Tên học	Mã	Thời	Tên
156	Thông tư số 214/2012/TT-BTC ngày 06/12/2012 ban hành Hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam	Bộ Tài chính				6	Kiểm toán tài chính và nâng cao	KTTA522	Học kỳ II	
157	Chế độ kế toán Việt Nam và chuẩn mực kế toán Việt Nam					10	Kế toán quốc tế	KTKT528	Học kỳ I	
158	Chế độ kế toán Việt Nam và chuẩn mực kế toán Việt Nam					10	Kế toán ngân hàng nâng cao	KTNH531	Học kỳ I	
159	Chuẩn mực chế độ kế toán Hoa Kỳ (USGAAP)					7	Kế toán quốc tế	KTKT528	Học kỳ I	
160	COSO- Internal Control – Integrated Framework, www.coso.org					5	Kiểm soát và kiểm toán nội bộ khu vực công	KTKS534	Học kỳ I	
161	Experiencing Intercultural Communication	Judith N.Martin, Thomas K. Nakayama	McGraw-Hill Book Company			1	Kinh tế số và thương mại điện tử	KTTM517	Học kỳ I	
162	EY (2017), EY FinTech Adoption Index 2017, http://www.ey.com/Publication/vwLUAssets/ey-fintech-adoption-index-2017/\$FILE/ey-fintech-adoption-index-2017.pdf					5	Công nghệ mới trong ngành tài chính - kế toán	KTCN518	Học kỳ I	
163	Giáo trình “Quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức công	Trần Thị Thu, Vũ Hoàng Ngân	Đại học Kinh tế Quốc dân	2015	VN	50	Quản trị nhân lực	KTNL537	Học kỳ I	
164	Giáo trình “Quản trị nguồn nhân lực	Trần Kim Dung	Tài chính	2011	VN	50	Quản trị nhân lực	KTNL537	Học kỳ I	
165	Giáo trình Kế toán quản trị doanh nghiệp	Nguyễn Ngọc Quang	Đại học Kinh tế Quốc dân	2014	VN	45	Kế toán quản trị nâng cao	KTQT521	Học kỳ II	
166	Giáo trình kiểm toán đầu tư xây dựng cơ bản và ngân sách	Thịnh Văn Vinh, Mai Vinh	Tài chính	2002	VN	5	Kiểm soát và kiểm toán nội bộ khu	KTKS534	Học kỳ I	

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất	Năm	Nước	Số	Tên học	Mã	Thời	Tên
							vực công			
167	Giáo trình Pháp luật trong kinh tế đối ngoại	Trường Đại học Ngoại thương			VN	5	Pháp luật kinh tế	KTPL510	Học kỳ I	
168	Hệ thống chuẩn mực Kế toán quốc tế				VN	5	Kế toán quốc tế	KTKT528	Học kỳ I	
169	Kế toán quản trị doanh nghiệp	Đoàn Xuân Tiên	Tài Chính	2004	VN	10	Kế toán quản trị nâng cao	KTQT521	Học kỳ II	
170	Luật Đầu tư số 61/2020/QH14					5	Pháp luật kinh tế	KTPL510	Học kỳ I	
171	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản liên quan					5	Pháp luật kinh tế	KTPL510	Học kỳ I	
172	Luật kế toán Việt Nam ban hành ngày 17/6/2003 và có hiệu lực vào ngày 01/01/2004.					5	Kế toán quản trị nâng cao	KTQT521	Học kỳ II	
173	Luật Phá sản số 51/2014/QH13					5	Pháp luật kinh tế	KTPL510	Học kỳ I	
174	Luật Quản lý Thuế 38/2019/QH14 và các Luật Thuế					10	Pháp luật kinh tế	KTPL510	Học kỳ I	
175	Luật thuế hiện hành, thông thư, nghị định có hiệu lực về thuế					10	Chuẩn mực kế toán công	KTCM511	Học kỳ I	
176	Luật Thương mại số 17/VBHN-VPQH					6	Pháp luật kinh tế	KTPL510	Học kỳ I	
177	Luật Trọng tài Thương mại số 54/2010/QH12					6	Pháp luật kinh tế	KTPL510	Học kỳ I	
178	Nghị định 05/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về kiểm toán nội bộ					7	Kiểm soát và kiểm toán nội bộ khu vực công	KTKS534	Học kỳ I	
179	Quản lý nguồn nhân lực trong doanh nghiệp	Viện Nghiên cứu và đào tạo về quản lý	Lao động – Xã hội	2015	VN	10	Quản trị nhân lực	KTNL537	Học kỳ I	
180	Quản trị đàm phán và giao tiếp		Global	2008	VN	10	Giao tiếp và	KTGT532	Học kỳ I	

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất	Năm	Nước	Số	Tên học	Mã	Thời	Tên
			Advanced MBA				đàm phán trong kinh doanh			
181	Tập bài giảng kiểm soát nội bộ, bộ môn kiểm toán khoa Kế toán Tài chính			2019	VN	20	Hệ thống thông tin quản lý	KTTQ513	Học kỳ I	
182	Thông tư 133/2016/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ	Bộ Tài Chính				15	Kế toán tài chính nâng cao	KTKK520	Học kỳ II	
183	Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp	Bộ Tài Chính				15	Kế toán tài chính nâng cao	KTKK520	Học kỳ II	
184	Thông tư số 53/2006/TT-BTC ngày 12/6/2006 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn áp dụng kế toán quản trị trong các doanh nghiệp	Bộ Tài Chính				15	Kế toán quản trị nâng cao	KTQT521	Học kỳ II	
185	Văn kiện Đại hội Đảng IX					3	Triết học	KTTH501	Học kỳ I	
186	Văn kiện Đại hội Đảng VI					5	Triết học	KTTH501	Học kỳ I	
187	Văn kiện Đại hội Đảng VII					5	Triết học	KTTH501	Học kỳ I	
188	Văn kiện Đại hội Đảng VII					5	Triết học	KTTH501	Học kỳ I	
189	Văn kiện Đại hội Đảng X					5	Triết học	KTTH501	Học kỳ I	
190	Văn kiện Đại hội Đảng XI					5	Triết học	KTTH501	Học kỳ I	
191	Văn kiện Đại hội Đảng XII					5	Triết học	KTTH501	Học kỳ I	

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
THÔNG TIN - THƯ VIỆN**

TS. Phạm Nghĩa Luân

TRƯỞNG KHOA KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

PGS.TS. Nguyễn Thái Sơn

6.3. Trang thông tin điện tử

Trường Đại học Hải Phòng có trang thông tin điện tử đăng tải đầy đủ thông tin yêu cầu phải công khai theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác có liên quan của pháp luật. Website: <http://dhhp.edu.vn>.

6.4. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Hải Phòng

Năm 2013, Thông báo Khoa học Trường Đại học Hải Phòng được nâng cấp thành Tạp chí Đại học Hải Phòng, đánh dấu bước chuyển mình mạnh mẽ trong hoạt động khoa học công nghệ của Nhà trường nói riêng và sự phát triển của Nhà trường nói chung.

Tạp chí Khoa học Trường Đại học Hải Phòng là tạp chí in hoạt động theo Giấy phép số 329/GP-BTTTT ngày 23/8/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông, có chỉ số ISN 1859-2368, là diễn đàn trao đổi học thuật cho cán bộ giảng viên góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo của Nhà trường. Tạp chí đã xuất bản 57 số tạp chí, đăng tải 781 bài công bố kết quả nghiên cứu khoa học chất lượng của cán bộ giảng viên, các nhà khoa học và quản lý, các học viên trong và ngoài nhà trường.

Năm 2017, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Hải Phòng được Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước đánh giá và công nhận tính điểm công trình từ 0 - 0,25 cho các bài đăng tải thuộc nhóm ngành kinh tế.

7. TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ

7.1. Cán bộ quản lý cấp khoa

Khoa Kế toán Tài chính được thành lập ngày 21/11/2007 trên cơ sở chia tách các ngành Kế toán, Tài chính, Kinh tế và Quản trị kinh doanh từ Khoa Kinh tế - Quản lý. Khoa Kế toán – Tài chính với nhiệm vụ đào tạo các chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp, Kế toán Kiểm toán, Tài chính doanh nghiệp, Tài chính ngân hàng, Tài chính - Bảo hiểm. Kế thừa bề dày nhiều thập niên đào tạo khối Kinh tế từ Khoa Kinh tế - Quản lý (từ năm 1967), Khoa đang có những bước phát triển rất mạnh mẽ cả về đội ngũ giảng viên, quy mô và chất lượng đào tạo. Những ngày đầu thành lập, Khoa có 2 tổ bộ môn với 13 giảng viên, trong đó có 1 Tiến sĩ, quản lý đào tạo 2 chuyên ngành. Trong quá trình phát triển 15 năm, có thời điểm số viên chức, người lao động của Khoa gần 50 người. Tính đến 31/12/2022, nhân sự của Khoa gồm 45 người, trong đó có 44 giảng viên (gồm 03 PGS, tỷ lệ 6,82%; 06 TS, tỷ lệ 13,64%; 35 ThS, tỷ lệ 79,54%) và 01 chuyên viên (trình độ ThS). Các giảng viên được biên chế thành 3 bộ môn: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính. Khoa đang thực hiện nhiệm vụ đào tạo 3 chuyên ngành chính: Kế toán doanh nghiệp, Kế toán Kiểm toán, Tài chính doanh nghiệp với tổng số gần 2.000 sinh viên theo học hàng năm ở các cấp, các hệ đào tạo. Khoa đã xác định và xây dựng ngành Kế toán trở thành ngành đào tạo mũi nhọn. Bên cạnh đó, Khoa đã xây dựng thêm 05 CTĐT các chuyên ngành: Tài chính – Bảo hiểm, Ngân hàng thương mại, Kinh doanh chứng khoán, Thuế và Hải Quan, Thẩm định giá sẵn

sàng đón sinh viên nhập học trong những năm tới. Tính đến nay, Trường đã đào tạo được 23 khóa sinh viên đại học chính quy tập trung ngành kế toán (19 khóa đã tốt nghiệp và 04 khóa đang học). Bên cạnh đó, Trường cũng đã đào tạo nhiều khóa học theo các chương trình đại học chính quy không tập trung và đại học vừa làm vừa học. CTĐT đại học ngành kế toán đã được Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam thực hiện đánh giá ngoài và cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng CTĐT công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục đại học vào ngày 14/02/2023.

Bảng 7.1. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa

TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
1	Nguyễn Thái Sơn, 1972, Bí thư Chi bộ, Trưởng khoa	PGS.TS	Kinh tế thế giới và Quan hệ kinh tế quốc tế	
2	Nguyễn Thị My, 1979 Phó trưởng khoa	Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	
3	Lương Khánh Chi, 1978 Phó bí thư Chi bộ	Tiến sĩ	Kế toán	
4	Phạm Thị Thanh Huyền, 1975 Chủ tịch công đoàn bộ phận	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	
5	Phạm Vũ Thái Trà, 1991 Bí thư Liên chi đoàn	Thạc sĩ	Tài chính	
6	Hoàng Thị Ngà, 1980 Trưởng bộ môn Kế toán	Tiến sĩ	Kế toán	
7	Đào Minh Hằng, 1986 Trưởng bộ môn Kiểm toán	Tiến sĩ	Kế toán	
8	Nguyễn Thị Tuyết Mai, 1976 Trưởng bộ môn Tài chính	Tiến sĩ	Kinh tế	

Với 15 năm thành lập và trên 50 năm truyền thống xây dựng và phát triển, Khoa Kế toán - Tài chính ngày càng lớn mạnh, luôn tự hào là một địa chỉ đào tạo uy tín cung cấp nguồn nhân lực kế toán – tài chính có chất lượng cao cho thành phố và đất nước. Với đội ngũ giảng viên có đầy đủ cơ cấu về độ tuổi, có trình độ và tâm huyết với nghề thì đây là nhân tố hết sức quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo và nghiên cứu của Khoa. Hàng năm, ngoài việc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giảng dạy, giảng viên trong khoa còn có nhiều bài báo khoa học trên các tạp chí

chuyên ngành uy tín, các kỉ yếu hội thảo quốc gia và quốc tế. Khoa cũng chủ trì biên soạn nhiều giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo phục vụ tốt hơn cho quá trình giảng dạy và thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học các cấp.

Để chuẩn bị cho việc mở ngành đào tạo thạc sĩ Kế toán, Khoa Kế toán – Tài chính đã chủ động sưu tầm tài liệu, học hỏi kinh nghiệm từ các chuyên gia; không ngừng tự đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn. Có thể khẳng định, đến nay, với thực lực của Khoa và sự hỗ trợ của các chuyên gia, Khoa Kế toán – Tài chính đã sẵn sàng cho việc đào tạo thạc sĩ Kế toán.

7.2. Danh sách cán bộ quản lý phụ trách ngành đào tạo

Bảng 7.2. Danh sách cán bộ quản lý phụ trách ngành đào tạo

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Quyền, 1979, Trưởng phòng QLSDH	Tiến sĩ, 2019	Công nghệ thông tin/ Cơ sở toán cho tin học	Phòng QLSDH
2	Hoàng Thị Nga, 1985, Phó trưởng phòng QLSDH	Tiến sĩ, 2021	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán	Phòng QLSDH
3	Trần Thị Thúy Liễu, 1968, Phó trưởng phòng QLSDH	Tiến sĩ, 2016	Ngôn ngữ học	Phòng QLSDH
4	Phạm Thị Xuân, 1983, Chuyên viên phòng QLSDH	Thạc sĩ, 2013	Ngôn ngữ Việt Nam	Phòng QLSDH
5	Lã Xuân Thắng, 1986, Chuyên viên phòng QLSDH	Thạc sĩ, 2017	Ngôn ngữ Việt Nam	Phòng QLSDH
6	Đỗ Thị Huyền Trang, 1986, Chuyên viên phòng QLSDH	Thạc sĩ, 2013	Hóa lý thuyết và Hóa lý	Phòng QLSDH
7	Bùi Thị Vân, 1982, Chuyên viên phòng QLSDH	Thạc sĩ, 2015	Kinh tế học	Phòng QLSDH
8	Nguyễn Trung Kiên, 1984, Chuyên viên phòng QLSDH	Thạc sĩ, 2018	Lý luận và PP dạy học bộ môn Toán	Phòng QLSDH
9	Nguyễn Thái Sơn, 1972, Bí thư Chi bộ, Trưởng khoa	PGS.TS	Kinh tế thế giới và Quan hệ kinh tế quốc tế	Khoa KTTC
10	Lương Khánh Chi, 1978,	Tiến sĩ, 2017	Kế toán	Khoa KTTC

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
	Phó Bí thư chi bộ, Khoa KTTC			

7.3. Danh sách cán bộ quản lý thiết bị

Bảng 7.3. Danh sách cán bộ quản lý thiết bị

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ chuyên ngành	Ghi chú
1	Ngô Đăng Quang, 1969, Phó Chánh Văn phòng	Thạc sĩ, 2008	Khoa học máy tính	Quản lý chung Phòng thực hành máy tính
2	Hoàng Thanh Sơn, 1978, Chuyên viên	Cử nhân, 2013	Công nghệ thông tin	Quản trực tiếp Phòng Thực hành máy tính
3	Nguyễn Đức Phương, 1976, Chuyên viên	Thạc sĩ, 2016	Quản lý kinh tế	Thiết bị Phòng cháy chữa cháy
4	Hoàng Thân Vạn Phúc, Chuyên viên	Cử nhân, 2021	Quản lý đất đai	Thống kê, quản lý chung cơ sở vật chất toàn Trường

7.4. Danh sách cán bộ quản lý thư viện

Bảng 7.4. Danh sách cán bộ quản lý thư viện

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ chuyên ngành	Ghi chú
1	Phạm Nghĩa Luân 17/3/1983	Tiến sĩ 2023	Khoa học máy tính	
2	Phạm Đình Ninh 02/6/1963	Thạc sĩ 2008	Khoa học máy tính	
3	Nguyễn Thị Thu Nguyệt 03/5/1968 Phó Giám đốc	Thạc sĩ 2000	Vật lý lý thuyết	
4	Nguyễn Thị Hoàng Yến 26/11/1978 Thư viện viên	Thạc sĩ 2016	Thông tin - Thư viện	

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ chuyên ngành	Ghi chú
5	Lê Thị Hồng Oanh 29/3/1978 Thư viện viên	Đại học 2002	Thông tin Thư viện	
6	Nguyễn Thị Thu Hằng 18/8/1981 Chuyên viên	Thạc sĩ Khoa học Giáo dục 2018	Quản lý giáo dục	
7	Trịnh Thị Ngọc 21/5/1980 Thư viện viên	Thạc sĩ 2015	Thông tin - Thư viện	
8	Phạm Thị Ngọc Lan 29/5/1976	Đại học 2000	Toán	
9	Hoàng Thị Minh Hạnh 12/8/1988 Chuyên viên	Đại học 2010	Sư phạm Ngữ văn - Địa lý	
10	Lương Thanh Huyền 13/01/1989 Chuyên viên	Thạc sĩ 2013	Ngôn ngữ Việt Nam	
11	Nguyễn Trường Sơn 29/05/1982	Đại học 2008	Công nghệ thông tin	
12	Đỗ Thị Phương Linh 27/11/1987	Đại học 2009	Sư phạm Ngữ văn-Địa lý	
13	Phạm Thị Nguyên 25/02/1981	Đại học	Thư viện- Thông Tin	

8. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO

8.1. Phân tích tình hình phát triển kinh tế xã hội

8.1.1. Cơ hội

Giáo dục đại học thế giới đang phát triển theo xu thế đại chúng hóa, thị trường hóa, đa dạng hóa và quốc tế hóa. Bối cảnh hội nhập và toàn cầu hoá tạo cơ hội thuận lợi cho Trường ĐHHP có thể mở rộng hợp tác, nhanh chóng tiếp cận với các xu thế mới, tri thức mới, những mô hình giáo dục hiện đại; học tập kinh nghiệm quốc tế và trong nước để đổi mới và phát triển, rút ngắn khoảng cách, tiến tới tiệm cận trình độ giáo dục khu vực và quốc tế. Trong xu thế đại chúng hóa giáo dục đại học để đáp ứng nhu cầu nhân lực thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0, sự gia tăng nhanh chóng về nhu cầu giáo dục đại học, hình thành xã hội học tập, đáp ứng yêu cầu học suốt đời của người dân việc phát

triển mô hình trường đại học địa phương như Trường ĐHHP là một hướng đi phù hợp. Việt Nam đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới với việc tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do, do vậy, việc chuẩn bị những nền tảng, điều kiện cần thiết để vận dụng những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ giúp lĩnh vực kế toán nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu, vào thị trường dịch vụ tài chính, đóng góp cho sự phát triển đất nước. Nguồn nhân lực kế toán đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển của doanh nghiệp và nền kinh tế. Trong bối cảnh hiện nay, nguồn nhân lực kế toán cần phải được nâng cao để đáp ứng về số lượng và chất lượng theo kịp yêu cầu của sự phát triển.

Ngành giáo dục đang tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Nhà nước sẽ có các cơ chế, chính sách huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội để phát triển giáo dục và đào tạo. Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/1/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã tạo cơ hội thuận lợi cho Hải Phòng phát triển, từ đó tác động tốt đến sự phát triển của Trường ĐHHP. Nghị quyết đã xác định: xây dựng, phát triển hệ thống các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Trường ĐHHP là trường đại học duy nhất trực thuộc UBND Thành phố, nhận được sự quan tâm sâu sắc của Lãnh đạo Thành phố và các sở ngành để trở thành hạt nhân của trung tâm giáo dục - đào tạo cấp vùng. Thành ủy, HĐND, UBND và các sở, ban ngành thành phố đang tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn vốn đầu tư để Nhà trường thực hiện tự chủ đại học, phát triển mạnh trong giai đoạn tới.

Trường ĐHHP đóng trên địa bàn một thành phố cảng, công nghiệp - dịch vụ - du lịch, không chỉ là một cực phát triển quan trọng trong tam giác phát triển Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh mà còn là động lực phát triển của vùng Bắc Bộ và của cả nước, có sức hút mạnh mẽ đối với các vùng phụ cận. Trường nằm trong vùng Duyên hải Bắc Bộ - nơi có mật độ dân cư cao nhất toàn quốc và nền kinh tế phát triển năng động, do đó nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao là rất lớn. Thành phố có dân số hơn 2 triệu người, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng 14,02%/năm gấp 2,1 lần tốc độ tăng trưởng của cả nước (giai đoạn 2016-2020); nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố là rất lớn, dự kiến khoảng 56.200 người/năm. Ngoài ra các tỉnh lân cận như Quảng Ninh, Thái Bình, Hải Dương, Hưng Yên... cũng cần một số lượng đáng kể nhân lực có trình độ, chuyên môn cao, vì thế nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng là rất lớn. Mặt khác, Trường ĐHHP là trường đại học của địa phương, vì vậy, đã nhận được rất nhiều sự quan tâm chỉ đạo và được hưởng các chính sách ưu đãi của địa phương. Trong bối cảnh đó, Trường có nhiều lợi thế trong việc đào tạo trực tiếp nhân lực cho các tổ chức, các doanh nghiệp trên địa bàn và vùng phụ cận.

Trường Đại học Hải Phòng là một trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho thành phố Hải Phòng và các tỉnh thành vùng duyên hải Bắc Bộ. Hàng năm, Trường đào tạo hơn 10.000 cử nhân, kỹ sư hệ chính quy tập trung; riêng ngành kế toán hàng năm tuyển sinh từ 200- 300 sinh viên hệ chính quy, 50 - 100 sinh viên hệ vừa học vừa làm. Tính đến nay, Trường đã đào tạo được 15 khoá đại học chính quy ngành kế toán với số lượng sinh viên tốt nghiệp gần 4000 sinh viên; 8 khoá đại học chính quy liên thông từ các hệ trung cấp, cao đẳng lên đại học; 6 khoá đại học chính quy văn bằng 2 và nhiều khoá đại học vừa học, vừa làm. Chương trình đào tạo đại học ngành kế toán đã được Trung tâm kiểm định chất lượng thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam thực hiện đánh giá ngoài và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục đại học vào ngày 30/12/2022.

Mặt khác, hiện nay trên địa bàn thành phố còn có 02 trường Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam và Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng đào tạo các chuyên ngành thuộc khối kinh tế nhưng chưa có trường đại học nào đào tạo ngành Kế toán ở trình độ Thạc sĩ. Đồng thời, hàng năm có hàng ngàn sinh viên tốt nghiệp khối ngành Kinh tế làm việc tại Hải Phòng và các địa phương lân cận, tỷ lệ người làm việc về kế toán và liên quan đến kế toán, kiểm toán rất lớn. Trong khi đó, số lượng sinh viên và người lao động làm việc trong lĩnh vực kế toán tại các doanh nghiệp tại Hải Phòng là rất lớn, nhu cầu học tập nâng cao trình độ chuyên môn ở bậc thạc sĩ là thường xuyên và ổn định.

Từ đó cho thấy, trong giai đoạn hiện nay, đối với Trường Đại học Hải Phòng, việc mở ngành Kế toán trình độ Thạc sĩ là cần thiết nhằm thực hiện nhiệm vụ đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân lực; có nhiều cơ hội để mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo. Đây là một trong những yếu tố quan trọng góp phần tích cực vào sự phát triển thành phố Hải Phòng nói riêng và các tỉnh lân cận nói chung.

8.1.2. Nguy cơ, rủi ro

Quá trình tổ chức vận hành Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Kế toán có thể phát sinh các rủi ro sau đây:

- Học viên gặp khó khăn đột xuất về kinh tế nên không hoàn thành nghĩa vụ tài chính.
- Học viên không hoàn thành chương trình đào tạo do quá bận công tác, do hoàn cảnh gia đình có biến cố hoặc do chưa nỗ lực trong học tập, nghiên cứu.
- Giảng viên hướng dẫn có quan điểm bất đồng với học viên về chuyên môn nên học viên không thể hoàn thành luận văn, đề án tốt nghiệp.
- Giáo viên hướng dẫn đi công tác nước ngoài dài hạn hoặc từ trần hoặc không thể liên lạc được dẫn đến học viên không thể hoàn thành luận văn, đề án tốt nghiệp.
- Trường bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo Thạc sĩ ngành Kế toán.

8.2. Giải pháp xử lý rủi ro

Để phòng ngừa và xử lý các rủi ro nêu trên khi vận hành Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Kế toán, Trường Đại học Hải Phòng sẽ thực hiện các giải pháp sau đây:

- Giải pháp thứ nhất: Thành lập quỹ hỗ trợ học tập cho học viên.

Quỹ hỗ trợ học tập cho học viên sẽ giao cho các học viên tự thành lập Ban quản lý quỹ có sự tư vấn của Phòng Quản lý sau đại học, lãnh đạo Khoa Kế toán - Tài chính, được tổ chức và hoạt động theo tinh thần của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ xã hội, quỹ từ thiện. Quỹ kêu gọi sự đóng góp tự nguyện của các học viên, giảng viên và các nguồn tài trợ xã hội hóa khác. Ban quản lý sẽ xây dựng quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ để làm cơ sở vận hành. Mục đích chính của Quỹ là hỗ trợ cho các học viên gặp khó khăn đột xuất về kinh tế để bảo đảm duy trì học tập cho đến khi học viên hoàn thành chương trình đào tạo.

- Giải pháp thứ hai: Tăng cường tư vấn, hỗ trợ cho người học.

Để thực hiện giải pháp này, ngoài chủ nhiệm lớp, phòng Quản lý sau đại học phối kết hợp với lãnh đạo Khoa Kế toán - Tài chính sẽ thường xuyên trao đổi, trò chuyện với học viên, trước hết thông qua đội ngũ cán bộ lớp để nắm bắt các tâm tư, nguyện vọng, điều kiện, hoàn cảnh của từng học viên để có các tư vấn, hỗ trợ kịp thời vừa động viên học viên vượt qua các trở ngại, khó khăn, vừa đôn đốc học viên tích cực học tập, hoàn thành tốt nhất chương trình đào tạo. Ngoài ra, hàng tuần, Phòng Quản lý sau đại học sẽ bố trí lịch tiếp học viên để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc để giúp học viên yên tâm học tập và hoàn thành tốt khóa học.

- Giải pháp thứ ba: Tăng cường phối hợp trong hướng dẫn học viên thực hiện luận văn, đề án tốt nghiệp.

Để thực hiện giải pháp này, khi phân công giảng viên hướng dẫn luận văn, đề án tốt nghiệp, Phòng Quản lý sau đại học tham mưu cho lãnh đạo Nhà trường lựa chọn và phân công giảng viên hướng dẫn có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm và trách nhiệm, đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế của Trường Đại học Hải Phòng. Trong trường hợp vì điều kiện khách quan giảng viên hướng dẫn không thể tiếp tục hướng dẫn học viên, Phòng Quản lý sau đại học kết hợp với khoa chuyên môn để có phương án lựa chọn, điều chuyển giảng viên để hướng dẫn học viên hoàn thành luận văn hoặc đề án tốt nghiệp.

Trường hợp các giảng viên đồng hướng dẫn có quan điểm bất đồng với học viên về chuyên môn, Phòng Quản lý sau đại học kết hợp với khoa chuyên môn sẽ tổ chức tọa đàm chuyên đề chuyên sâu để thống nhất các vấn đề chuyên môn đang còn chưa thống nhất giữa giảng viên và học viên. Kết luận của buổi tọa đàm chuyên môn sẽ là kết luận cuối cùng.

- Giải pháp thứ tư: Xử lý hậu quả trong trường hợp Trường bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Kế toán.

Để thực hiện giải pháp này, Trường Đại học Hải Phòng sẽ ký thỏa thuận hợp tác với các cơ sở có đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Kế toán, trong đó có nội dung: Trong trường hợp xấu nhất là Trường bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Kế toán, Trường Đại học Hải Phòng sẽ chuyển toàn bộ học viên đang đào tạo cho các cơ sở đó để tiếp nhận và tiếp tục đào tạo đến khi học viên hoàn thành chương trình đào tạo. Thỏa thuận hợp tác này sẽ bảo đảm tối đa quyền lợi của học viên trong trường hợp xấu nhất.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Bùi Xuân Hải